

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 8655 /SNN-KL

Cà Mau, ngày 11 tháng 10 năm 2021

Về việc chuẩn bị nội dung Nghị quyết
chủ trương chuyển mục đích sử dụng
rừng sang mục đích khác năm 2021 trên
địa bàn tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Thực hiện Công văn số 6357/UBND-TH ngày 09/10/2021 của UBND tỉnh Cà Mau về việc chuẩn bị nội dung văn bản trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hoàn chỉnh nội dung trình Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Nghị quyết cá biệt), cụ thể như sau:

1. Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh Cà Mau trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

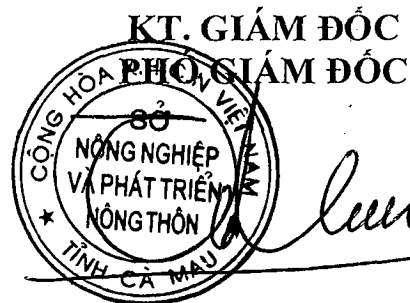
3. Báo cáo số 1315/BC-SNN ngày 11/10/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xem xét Hồ sơ chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo các văn bản dự thảo, phụ lục các danh mục và hồ sơ có liên quan)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGĐ LN;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, (M).



Trần Văn Thúc

Số: 1315 /BC-SNN

Cà Mau, ngày 11 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc xem xét Hồ sơ chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được các văn bản: Đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng ngày 01/10/2021 của Ban Quản lý Dự án Công trình xây dựng tỉnh Cà Mau; Đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng ngày 07/10/2021 của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A (kèm theo hồ sơ và các văn bản có liên quan).

Qua xem xét các nội dung đề nghị, thành phần hồ sơ, đối chiếu với quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14 về thẩm quyền Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và Điều 1 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các văn bản có liên quan, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

I. DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HỎA TÁNG CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU:

1. Về cơ sở pháp lý:

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang tỉnh Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Cà Mau về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 9133/UBND-XD ngày 06/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lập thủ tục đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 117/UBND-XD ngày 13/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phối hợp triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 51-CV/BCSĐ ngày 19/4/2021 của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ý kiến về chủ trương Dự án xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer và Quyết định đầu tư Dự án đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Báo cáo số 373/BC-SXD ngày 22/02/2021 của Sở Xây dựng về việc đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Báo cáo số 83/BC-SKHĐT ngày 16/3/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Thành phần, nội dung hồ sơ:

- Văn bản Đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer của Ban quản lý dự án Công trình xây dựng tỉnh Cà Mau ngày 01/10/2021;

- Báo cáo số 373/BC-SXD ngày 22/02/2021 của Sở Xây dựng Cà Mau về việc đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau (kèm theo Tờ trình số 374/TTr-SXD ngày 22/02/2021 của Sở Xây dựng);

- Báo cáo số 83/BC-SKHĐT ngày 16/3/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

- Báo cáo thuyết minh nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh (kèm theo Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh);

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau (kèm theo Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường);

- Biên bản khảo sát hiện trạng, bổ sung Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau vào danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau ngày 26/01/2021;

- Báo cáo số 65/BC-BCTFXD ngày 22/4/2021 của Ban Quản lý dự án công trình xây dựng tỉnh về việc hiện trạng rừng khu vực chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

- Bản đồ hiện trạng rừng, vị trí xây dựng Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau (tỷ lệ 1/2000).

3. Sự cần thiết đầu tư dự án:

- Hình thức hỏa táng của người Khmer được nhìn nhận là một trong những phong tục truyền thống văn hóa văn minh nên duy trì và phát huy trong xã hội hiện nay. Hỏa táng cũng mang lại những lợi ích thiết thực cho xã hội, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc, giữ gìn tài nguyên đất phục vụ cho cuộc sống, phù hợp với sự phát triển của xã hội văn minh.

- Việc sử dụng các cơ sở hỏa táng cũ đã gây ra những tác động không nhỏ đối với sức khỏe của người thực hiện công việc hỏa táng, người tham gia và môi trường sống xung quanh khu vực hỏa táng, tiềm ẩn nguy cơ truyền nhiễm bệnh tật nguy hiểm cho xã hội.

- Việc xây dựng cơ sở hỏa táng khang trang, hiện đại, thân thiện với môi trường đang là nhu cầu cấp thiết của đồng bào Khmer, không chỉ giúp những gia đình Khmer có người thân mất mai táng mau lẹ, thuận tiện mà còn giúp những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, không có đất để thổ táng, giúp gia đình có người mất vừa được an táng theo nghi lễ truyền thống, đảm bảo văn minh và phù hợp với đời sống hiện đại.

4. Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính), kết quả điều tra rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng); diện tích theo: loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), điều kiện lập địa, trữ lượng (đối với rừng tự nhiên), loài cây (đối với rừng trồng):

- Vị trí: Lô 17, 18, Khoảnh 3, Tiểu khu 074 thuộc đất giao cho hộ gia đình, cá nhân theo Luật đất đai nằm trên địa giới hành chính xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Diện tích: Tổng diện tích thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình là: 2,3700 ha, trong đó:

+ Diện tích có rừng là: 2,1900 ha;

+ Diện tích không có rừng: 0,1800 ha.

- Chức năng rừng: Rừng sản xuất (theo Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng đến năm 2020).

- Loại rừng: Rừng trồng năm 2016 và năm 2017.

- Trữ lượng rừng: Trữ lượng bình quân 80 m³/ha.

- Loài cây: Cây Tràm cừ (*Melaleuca cajuputi*).

- Tổng diện tích có rừng xin chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là: 2,1900 ha.

5. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan:

Thành phần, nội dung hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác cơ bản đảm bảo theo quy định tại Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Dự án đã tuân thủ theo quy định về thủ tục đầu tư, môi trường. Tuy nhiên do hiện nay quy hoạch lâm nghiệp quốc gia đang trong thời gian xây dựng, do đó dự án sẽ được cập nhật vào quy hoạch.

6. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch:

- Về quy hoạch sử dụng đất: Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 tỉnh Cà Mau. Hiện nay, Dự án đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất huyện U Minh năm 2021 (tại Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh Cà Mau về việc kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện U Minh); hiện nay dự án đã được cập nhật vào Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai và quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2021 – 2030

- Về quy hoạch lâm nghiệp: Hiện nay đang trong giai đoạn lập Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia (giai đoạn 2021 – 2030). Do đó, dự án sẽ được cập nhật vào quy hoạch lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2021 – 2030.

7. Hiệu quả kinh tế - xã hội; đánh giá tác động đến môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công:

7.1. Hiệu quả về kinh tế - xã hội:

Đây là một dự án đầu tư xây dựng mang tính xã hội, phát triển hạ tầng phục vụ nhu cầu cho người dân, giải quyết vấn đề chính sách dân tộc và môi trường. Về kinh tế: việc đầu tư cơ sở nhà hỏa táng sử dụng công nghệ hiện đại sẽ thu hút và khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng, tiết kiệm chi phí hơn so với hình thức thổ táng (chôn cất) truyền thống. Ngoài ra, cũng mở ra hướng xã hội hóa kết hợp dịch vụ góp phần giảm gánh nặng ngân sách nhà nước.

7.2. Đánh giá tác động đến môi trường:

Dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 16/4/2021. Do đó, các biện pháp, giải pháp bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn khi dự án đi vào thực hiện sẽ được các cơ quan chức năng giám sát chặt chẽ, đảm bảo theo đúng quy định.

II. DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ CÀ MAU 1A

Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 05/02/2021 về chủ trương chuyển mục đích

sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2021 với tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 2,3604 ha (rừng phòng hộ: 0,7100 ha, rừng sản xuất: 1,6504 ha. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện dự án, chủ đầu tư xin điều chỉnh dự án (hạng mục công trình: tuyến cáp ngầm, cầu cảng và đường vận chuyển thiết bị vào Nhà máy điện gió Cà Mau 1A) phát sinh vị trí mới với diện tích rừng bị ảnh hưởng: 0,4340 ha (rừng phòng hộ) so với vị trí, diện tích đã được phê duyệt trước đây; đồng thời, việc điều chỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; theo đó, tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác điều chỉnh tăng lên: Từ 2,3604 ha lên 2,6344 ha (trong đó: Rừng phòng hộ: 0,9840 ha, rừng sản xuất: 1,6504 ha). Do đó, điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 05/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với diện tích 2,6344 ha (trong đó: Rừng phòng hộ: 0,9840 ha, rừng sản xuất: 1,6504 ha).

1. Về cơ sở pháp lý:

- Luật lâm nghiệp số 16/2017/QH 14 năm 2017;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Công văn số 1703/TTg-CN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Dự án cụm nhà máy điện gió Cà Mau – giai đoạn 1 vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh;
- Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A của Công ty cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A;
- Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A của Công ty cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A;
- Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Cà Mau về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

2. Thành phần, nội dung hồ sơ.

- Văn bản Đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A ngày 07/10/2021;
- Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A (kèm theo Quyết định số 307/QĐ-HĐQT ngày 13/8/2019 của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A về việc phê duyệt dự án đầu tư Nhà máy điện gió Cà Mau 1A);
- Báo cáo thuyết minh dự án đầu tư điều chỉnh Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A (kèm theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 về chấp thuận

điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, điều chỉnh lần thứ 02);

- Báo cáo thuyết minh đánh giá tác động môi trường (kèm theo Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A);

- Báo cáo thuyết minh đánh giá tác động môi trường - lập lại (kèm theo Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A (trường hợp lập lại);

- Báo cáo số 435/BC-CM1A ngày 07/10/2021 về việc hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

- Biên bản xác định vị trí, diện tích, hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A ngày 04/10/2021;

- Bản đồ hiện trạng, vị trí chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (tỷ lệ bản đồ 1/2000).

3. Sự cần thiết đầu tư dự án:

Đầu tư xây dựng Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, nhằm góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường và tận dụng nguồn năng lượng tự nhiên tái tạo để tạo ra sản phẩm cho xã hội, cung cấp nguồn điện năng hòa lưới điện quốc gia. Sử dụng công nghệ cao và không gây ô nhiễm môi trường, khai thác nguồn năng lượng thiên nhiên vô tận, không trả các chi phí nguyên liệu như gas, than...

4. Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính), kết quả điều tra rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng); diện tích theo: loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), điều kiện lập địa, trữ lượng (đối với rừng tự nhiên), loài cây (đối với rừng trồng):

- Vị trí: Lô 330a, 330b, 331a, 327, 328, 335, Khoảnh TTR (trảng tràm), Tiểu khu: NHU (Nguyễn Huân); Lô 1, 6, 7, 91, Khoảnh 98, 100, Tiểu khu 224 thuộc ấp Mai Hoa và ấp Hiệp Dư, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Tổng diện tích thực hiện dự án: 21,814 ha, trong đó:

+ Diện tích có rừng: 2,6344 ha (rừng phòng hộ: 0,9840 ha; rừng sản xuất: 1,6504 ha).

+ Diện tích không rừng: 19,173 ha.

- Chức năng rừng: rừng sản xuất và rừng phòng hộ;

- Loại rừng: rừng trồng năm 1998 và năm 2018.

- Loài cây: cây Đước (*Rhizophiza acupilata*).

- Trữ lượng rừng: 192,86 m³.

- Tổng diện tích có rừng xin chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 2,6344 ha (rừng phòng hộ: 0,9840 ha; rừng sản xuất: 1,6504 ha).

5. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan:

Thành phần, nội dung hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác cơ bản đảm bảo theo quy định tại Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Dự án đã tuân thủ theo quy định về thủ tục đầu tư, môi trường. Tuy nhiên, do hiện nay quy hoạch lâm nghiệp quốc gia đang trong thời gian xây dựng, do đó dự án sẽ được cập nhật vào quy hoạch.

6. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch:

- Về quy hoạch sử dụng đất: Dự án trước đây đã được Hội đồng nhân tỉnh thông qua Danh mục thu hồi đất năm 2021 tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 và Dự án đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất của huyện Đầm Dơi năm 2021 (tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất huyện Đầm Dơi năm 2021). Tuy nhiên, hiện nay dự án đã điều chỉnh theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Cà Mau về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Do đó, sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, dự án điều chỉnh sẽ được cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất của huyện Đầm Dơi năm 2021 và Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 theo quy định.

- Về quy hoạch lâm nghiệp quốc gia: Hiện nay đang trong giai đoạn lập Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia (giai đoạn 2021 – 2030). Do đó, dự án sẽ được cập nhật vào quy hoạch lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2021 – 2030.

7. Hiệu quả về kinh tế - xã hội; đánh giá tác động đến môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công:

7.1. Hiệu quả về kinh tế - xã hội

** Góp phần đáp ứng nhu cầu tăng trưởng phụ tải điện*

Theo các số liệu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về tình hình tiêu thụ điện của nền kinh tế quốc dân trong giai đoạn gần đây cho thấy mức độ tăng trưởng phụ tải của hệ thống cao hơn nhiều so với mức dự kiến. Vì vậy, việc xem xét bổ sung nguồn điện cho hệ thống điện Việt Nam trong những năm tới ngày càng trở nên cấp thiết.

** Đóng góp vào phát triển kinh tế chung của cả nước*

Dự án nhà máy điện gió Cà Mau 1A với tính khả thi cao sẽ đem lại lợi ích chung cho toàn xã hội. Khi được đầu tư xây dựng, Dự án sẽ có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của cả tỉnh Cà Mau, kéo theo các dự án công nghiệp và dịch vụ khác đầu tư vào khu vực này, qua đó cũng góp phần vào sự phát triển chung của cả nước. Ngoài ra, Dự án cũng sẽ làm lợi cho các ngành công nghiệp, dịch vụ khác

như sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng - lắp máy, giao thông vận tải, hoá chất, dịch vụ phụ trợ ...

*** Phát triển dân sinh - kinh tế vùng**

Dự án nhà máy điện gió Cà Mau 1A với số vốn đầu tư đáng kể và áp dụng công nghệ tiên tiến. Đồng thời, dự án cũng tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp khác ở khu vực, địa phương và phát triển dân sinh kinh tế vùng. Các ngành dịch vụ trong khu vực sẽ phát triển khi có dự án, tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và của tỉnh nói chung, qua đó góp phần tăng thu nhập cho người lao động và tăng sản lượng hàng hóa sản xuất tại địa phương.

*** Cơ hội giải quyết việc làm**

Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A sẽ tạo việc làm trực tiếp cho tới người lao động trong giai đoạn xây dựng với ước tính khoảng vài trăm lao động từ phổ thông đến lành nghề và cho giai đoạn vận hành với ước tính khoảng vài chục lao động và là động lực để kéo theo các ngành khác trong khu vực khác.

7.2. Tài liệu đánh giá tác động đến môi trường:

Dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (lập lại) tại Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 11/10/2021. Do đó, các biện pháp, giải pháp bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn khi dự án đi vào thực hiện sẽ được các cơ quan chức năng giám sát chặt chẽ, đảm bảo theo đúng quy định.

8. Kết luận và kiến nghị

Thành phần, nội dung Hồ sơ trình Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: (1) Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau; (2) Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A đã được lập theo quy định tại Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ, đủ điều kiện để tổ chức thẩm định, phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

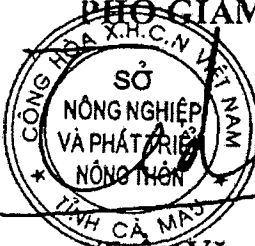
(Gửi kèm theo Hồ sơ và các văn bản có liên quan)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh xem xét, thẩm định Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- BGĐ Sở;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (p/h);
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, (M).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Thức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

Kính gửi :

- Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Cà Mau.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG CÀ MAU 1A.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 2001 302 494. Đăng ký lần đầu ngày 29/11/2018 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau.

2. Địa chỉ: ấp Thuận Thành, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

3. Địa chỉ liên hệ: ấp Thuận Thành, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Điện thoại: 0961.192.199

4. Các thông tin về khu rừng

- Vị trí: Lô 330a, 330b, 331a, 327, 328, 335, Khoảnh TTR (trảng tràm), Tiểu khu: NHU (Nguyễn Huân); Lô 1, 6, 7, 91, Khoảnh 98, 100, Tiểu khu 224 thuộc ấp Mai Hoa và ấp Hiệp Dư, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Diện tích rừng: Tổng diện tích có rừng xin chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 2,6344 ha (rừng phòng hộ: 0,9840 ha; rừng sản xuất: 1,6504 ha).

- Chức năng rừng: rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

- Loại rừng: rừng trồng năm 1998 và năm 2018.

- Loài cây: cây Đước (*Rhizophora apiculata*).

- Mục đích của việc chuyển mục đích sử dụng rừng: thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A.

5. Cam kết thực hiện đúng các quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng của pháp luật lâm nghiệp.

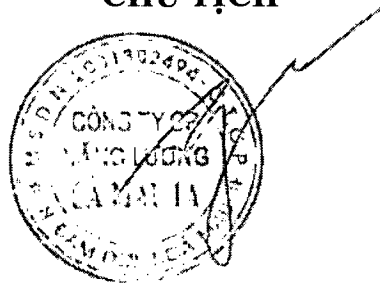
Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A kính trình UBND tỉnh Cà Mau, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cà Mau xem xét, chấp thuận chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để triển khai thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A đúng theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

Cà Mau, ngày 07 tháng 10 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Hiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Về việc xác định vị trí, diện tích, hiện trạng rừng chuyển mục đích rừng
sang mục đích khác thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A**

Hôm nay, ngày 04 tháng 10 năm 2021 tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Đầm Dơi, tiến hành khảo sát, xác định vị trí, diện tích rừng bị ảnh hưởng bởi thực hiện dự án Nhà máy điện gió 1A Cà Mau

I. THÀNH PHẦN:

1. Đại diện Ban Quản lý rừng phòng hộ Đầm Dơi

- Ông: ... Trương... Việt... Bắc... Phó... Trương... Sơn
- Ông: ... Lưu... Văn... Đạt... Phó... Trương... Phong... KT-QLBVR
- Ông:
- Ông:

2. Đại diện Trung tâm Phát triển Quỹ đất

- Ông:
- Ông:
- Ông:
- Ông:

3. Đại diện UBND xã Nguyễn Huệ

- Ông: ... Nguyễn... Chí... Nghiệp... Phó... Chí... Tích
- Ông:
- Ông:

4. Đại diện Hạt Kiểm lâm huyện Đầm Dơi

- Ông: ... Ngô... Minh... Xuyên... Hạt... Trương
- Ông: ... Phạm... Thuận... Linh... Phó... Trách... KT-QLBVR
- Ông:

5. Đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A

- Ông: ... Bùi... Văn... Hữu... Chủ... tịch... HAT
- Ông:
- Ông:

II. NỘI DUNG:

1. Các căn cứ pháp lý

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A;

Căn cứ Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 về việc điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A;

Căn cứ Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió 1A của Công ty Cổ phần năng lượng Cà Mau 1A (điều chỉnh lần 2);

Căn cứ các hồ sơ khác có liên quan, Đoàn kiểm tra cùng tiến hành kiểm tra xác định vị trí, diện tích, hiện trạng rừng khu vực xin chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, nội dung cụ thể như sau:

2. Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A thuộc 02 khu vực:

2.1. Xây dựng Nhà máy và Trạm Biến áp (khu vực 1)

- Vị trí: Lô: 330a, 330b, 331a, 327, Khoảnh TTR (trảng tràm), Tiểu khu: NHU (Nguyễn Huân) thuộc ấp Mai Hoa, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Ranh giới:

+ Phía Bắc giáp: giáp đất của hộ dân;

+ Phía Nam giáp: giáp đất của hộ dân;

+ Phía Đông giáp: giáp đất của hộ dân;

+ Phía Tây giáp: giáp đất của hộ dân;

- Tổng diện tích xây dựng Nhà máy và Trạm Biến áp: 61.952,8 m², trong đó:

+ Diện tích có rừng: 15.034 m² (rừng sản xuất: 15.034 m²);

+ Diện tích không rừng: 46.918,8 m².

- Mục đích sử dụng: rừng sản xuất;

- Nguồn gốc rừng: rừng trồng năm 2018.

- Loài cây: cây Đước (*Rhizophora apiculata*).

- Rừng trồng chưa có trữ lượng.

- Tổng diện tích có rừng xin chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 15.034 m² (rừng sản xuất).

2.2. Tuyến Cáp ngầm, cầu cảng và đường vào nhà máy vận hành giáp đường đất về phía kênh hậu (khu vực 2)

- Vị trí: Lô 328, 335, Khoảnh: TTR (tràng tràm), Tiểu khu: NHU (Nguyễn Huân); Lô: 1, 6, 7, Khoảnh: 98, 100, Tiểu khu 224 thuộc ấp Mai Hoa, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau

- Ranh giới:

+ Phía Bắc giáp: giáp đất của hộ dân, đất do BQLRPH Đầm Dơi quản lý;

+ Phía Nam giáp: giáp đất của hộ dân, đường đất, sông Hố Gùi;

+ Phía Đông giáp: giáp đất của hộ dân, đất do BQLRPH Đầm Dơi quản lý;

+ Phía Tây giáp: giáp đất của hộ dân, sông Hố Gùi.

- Tổng diện tích khu vực 2: 46.937,1 m², trong đó:

+ Diện tích có rừng: 11.310 m² (rừng phòng hộ: 9.840 m², rừng sản xuất: 1.470 m²).

+ Diện tích không có rừng: 35.627,1 m².

- Mục đích sử dụng: rừng sản xuất và rừng phòng hộ.

- Nguồn gốc: rừng trồng năm 1998 và năm 2018.

- Loài cây: cây Đước (*Rhizophora apiculata*) và Mắm, Đà tái sinh.

- Tổng diện tích có rừng xin chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 11.310 m² (rừng phòng hộ: 9.840 m², rừng sản xuất: 1.470 m²).

- Trữ lượng rừng: 192,86 m³.

+ Lô số 6, 7, khoảnh 98, tiểu khu 224: 14,16 m².

Trong đó: Đước: 9,1 m³ (D_{bq}: 6,51cm, H_{bq}: 07m, N/ha: 1800 cây/ha); Mắm: 4,54 m³ (D_{bq}: 11,27cm, H_{bq}: 07m, N/ha: 300 cây/ha); Đà: 0,52 m³ (D_{bq}: 5,07cm, H_{bq}: 04m, N/ha: 300 cây/ha); diện tích: 4.340 m².

+ Lô số 1, khoảnh 100, tiểu khu 224: Đước: 178,7 m³ (D_{bq}: 12,0 cm, H_{bq}: 12,5 m, N/ha: 4.600 cây/ha); diện tích: 5.500 m².

2.3. Phần trụ số 06, 07, 08 (trên đất của Ban QLRPH Đầm Dơi quản lý (khu vực 3))

- Vị trí: Lô 91, Khoảnh: 92, Tiểu khu 223 thuộc ấp Hiệp Dư, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau

- Ranh giới:
- + Phía Bắc giáp: giáp đất của hộ dân, đất do BQLRPH Đầm Dơi quản lý;
- + Phía Nam giáp: giáp đất của hộ dân, đất do BQLRPH Đầm Dơi quản lý;
- + Phía Đông giáp: giáp đất của hộ dân, đất do BQLRPH Đầm Dơi quản lý;
- + Phía Tây giáp: giáp đất của hộ dân, đất do BQLRPH Đầm Dơi quản lý;
- Tổng diện tích khu vực 3: 672,0 m², trong đó:
- + Diện tích có rừng: 0 m².
- + Diện tích không có rừng: 672,0 m².
- Mục đích sử dụng: rừng sản xuất.
- Nguồn gốc: rừng trồng năm 2018.
- Rừng trồng chưa có trữ lượng.
- Loài cây: cây Đước (*Rhizophora apiculata*).

3. Kết luận:

Do chủ đầu tư điều chỉnh vị trí, diện tích có rừng để thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A (UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió 1A của Công ty Cổ phần năng lượng Cà Mau 1A, điều chỉnh lần 2). Kết quả xác định lại hiện trạng rừng để làm cơ sở lập các thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với vị trí, diện tích cụ thể như sau:

- Vị trí: Lô 330a, 330b, 331a, 327, 328, 335, Khoảnh TTR (trảng tràm), Tiểu khu: NHU (Nguyễn Huân); Lô 1, 6, 7, 91, Khoảnh 98, 100, Tiểu khu 224 thuộc ấp Mai Hoa và ấp Hiệp Dư, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.
- Tổng diện tích có rừng xin chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 26.344 m² (rừng phòng hộ: 9.840 m²; rừng sản xuất: 16.504 m²).
- Mục đích sử dụng: rừng sản xuất và rừng phòng hộ.
- Nguồn gốc: rừng trồng năm 1998 và năm 2018.
- Loài cây: cây Đước (*Rhizophora apiculata*).

Biên bản được lập, kết thúc cùng ngày có thông qua các thành viên và thống nhất ký tên./.

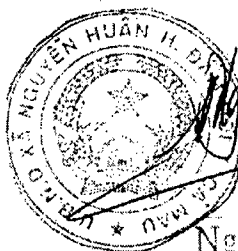
ĐD. BQLRPH ĐÀM DỜI



[Handwritten signature]
Sương Việt Trúc

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

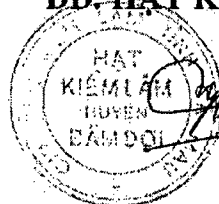
ĐD. UBND XÃ NGUYỄN HUÂN



[Handwritten signature]
Nguyễn Chí Nghiệp

ĐD. TTPT QUỠ ĐÁT

ĐD. HẠT KIỂM LÂM



[Handwritten signature]
Ngô Minh Quyền

ĐD. CÔNG TY CPNL CÀ MAU 1A

[Handwritten signature]
Bùi Văn Hiếu



**CÔNG TY CỔ PHẦN
NĂNG LƯỢNG CÀ MAU 1A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 435/BC-CM1A

Cà Mau, ngày 07 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

**Về việc hiện trạng rừng khu vực chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác để thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A**

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A;

Căn cứ Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A (điều chỉnh lần 1);

Căn cứ Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A của Công ty Cổ phần năng lượng Cà Mau 1A (điều chỉnh lần 2);

Căn cứ biên bản xác định vị trí, diện tích, hiện trạng rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích để thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A ngày /10/2021;

Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A lập báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng khu vực xin chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (kèm theo bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/2000) để thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, với nội dung cụ thể như sau:

1. Hiện trạng rừng khu vực xin chuyển mục đích sử dụng rừng

Theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A thì tổng diện tích thực hiện dự án: 21,814 ha, trong đó:

- Diện tích đất có rừng: 2,6344 ha (rừng phòng hộ: 0,9840 ha; rừng sản xuất: 1,6504 ha);

- Diện tích đất không có rừng: 19,1796 ha.

Tổng diện tích có rừng xin chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 2,6344 ha (rừng phòng hộ: 0,9840 ha; rừng sản xuất: 1,6504 ha), cụ thể như sau:

1.1. Khu vực hiện trạng rừng do UBND xã Nguyễn Huân quản lý:

- Vị trí: Lô 330a, 330b, 331a, 327, 328, 335, Khoảnh TTR (trảng tràm), Tiểu khu: NHU (Nguyễn Huân) trên lâm phần của UBND xã Nguyễn Huân quản lý thuộc địa giới hành chính ấp Mai Hoa, xã Nguyễn Huân, tỉnh Cà Mau.

- Diện tích có rừng xin chuyển mục đích sử dụng rừng: 1,6504 ha.

- Chức năng: rừng sản xuất.

- Loại rừng: rừng trồng năm 2018.

- Loài cây: cây Đước (*Rhizophora apiculata*).

- Rừng chưa có trữ lượng.

1.2. Khu vực hiện trạng rừng do Ban Quản lý rừng phòng hộ Đầm Dơi quản lý:

- Vị trí: Lô 1, 6, 7, 91, Khoảnh 98, 100, Tiểu khu 224 trên lâm phần của Ban Quản lý rừng phòng hộ Đầm Dơi quản lý thuộc địa giới hành chính ấp Mai Hoa, ấp Hiệp Dư, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Diện tích có rừng xin chuyển mục đích sử dụng rừng: 0,9840 ha (rừng phòng hộ: 0,9840 ha).

- Chức năng: rừng sản xuất và rừng phòng hộ.

- Loại rừng: rừng trồng năm 1998.

- Loài cây: cây Đước (*Rhizophora apiculata*).

- Trữ lượng rừng: 192,86 m³.

2. Mục đích của việc chuyển mục đích sử dụng rừng: để thực hiện Dự án Nhà máy điện gió 1A.

Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng khu vực xin chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Nhà máy điện gió 1A kính trình UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Hiếu

Số: 1703 /TTg-CN
V/v bổ sung Dự án cụm nhà máy điện
gió Cà Mau 1 - giai đoạn 1 vào Quy
hoạch điện VII điều chỉnh.

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2018

Kính gửi:

- Bộ Công Thương;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Xét đề nghị của Bộ Công Thương (Công văn số 9158/BCT-ĐL ngày 09 tháng 11 năm 2018) về việc bổ sung danh mục Dự án cụm nhà máy điện gió Cà Mau 1 - Giai đoạn 1 vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 (Quy hoạch điện VII điều chỉnh), Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Đồng ý bổ sung Dự án cụm nhà máy điện gió Cà Mau 1 - Giai đoạn 1 vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh như đề nghị của Bộ Công Thương tại văn bản nêu trên (sau khi đã chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan liên quan thực hiện thẩm định theo quy định; Bộ Công Thương chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung thẩm định, nhất là các nội dung về sự cần thiết bổ sung vào Quy hoạch, quy mô công suất, phương án đấu nối bảo đảm vận hành tin cậy và ổn định, mức độ khả thi... và sự phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật), cụ thể:

- Quy mô công suất 350 MW, đưa vào vận hành năm 2020 - 2021, bao gồm 4 nhà máy: Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, công suất 88 MW; Nhà máy điện gió Cà Mau 1B, công suất 88 MW; Nhà máy điện gió Cà Mau 1C, công suất 88 MW; Nhà máy điện gió Cà Mau 1D, công suất 86 MW.

- Địa điểm: Xã Tân Tiến và xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi; và xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Cụm nhà máy điện gió Cà Mau 1 - Giai đoạn 1 được đấu nối vào hệ thống điện quốc gia bằng cấp điện áp 220 kV; danh mục các công trình lưới điện đấu nối như đề nghị của Bộ Công Thương.

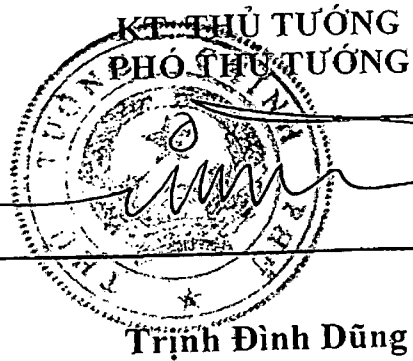
2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau hướng dẫn, quản lý quá trình chuẩn bị đầu tư và đầu tư xây dựng Dự án theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng, đất đai, biển, quản lý chất lượng và bảo vệ môi trường.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chịu trách nhiệm thực hiện chuyển đổi

mục đích sử dụng đất, giao khu vực biên theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, biển, bảo vệ và phát triển rừng.../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ: KHĐT, TC, XD, TN&MT, NN&PTNT, GTVT, QP;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia;
- Tổng công ty cổ phần Thương mại Xây dựng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, KTTH, NN, KGVX;
- Lưu: VT, CN (2). n.vq 24



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 338 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 05 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau
1A của Công ty cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo;

Căn cứ Công văn số 1703/TTg-CN ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Dự án cụm nhà máy điện gió Cà Mau 1 - giai đoạn 1 vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh;

Xét Báo cáo thẩm định số 53/BC-SKHĐT ngày 01/02/2019, Công văn số 419/SKHĐT-KTĐN ngày 04/3/2019 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số 324/SCT-QLCN ngày 27/02/2019 của Giám đốc Sở Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG CÀ MAU 1A.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001302494 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 29/11/2018.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Thuận Thành, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: Bùi Văn Hiếu (Nam), Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Sinh năm: 1980 Quốc tịch: Việt Nam.

Chứng minh nhân dân số: 034080008131, ngày cấp: 03/7/2018, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ số C6, tầng 17, Chung cư CS113, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ số C6, tầng 17, Chung cư CS113, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ CÀ MAU 1A.

2. Mục tiêu của dự án: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

3. Quy mô dự án:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

- Công suất thiết kế: 88 MW.

- Quy mô kiến trúc xây dựng: Hệ thống turbine gió, cầu cảng, trạm biến áp, nhà điều hành và kho bãi, và đường dây truyền tải điện.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 24,48 ha.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 4.950.000.000.000 (bốn ngàn chín trăm năm mươi tỷ) đồng.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 990.000.000.000 (chín trăm chín mươi tỷ) đồng, chiếm tỷ lệ 20% tổng vốn đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 49 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Chuẩn bị đầu tư, xây dựng: Quý II/2017 - quý IV/2021.

- Tiến độ vận hành, cung cấp sản phẩm, dịch vụ: Quý I/2022.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải và hàng hoá khác để thực hiện dự án đầu tư theo quy định hiện hành.

3. Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất:

Miễn, giảm thuế sử dụng đất, tiền sử dụng đất; tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về thuế hiện hành.

4. Hình thức hỗ trợ đầu tư:

Thực hiện theo quy định tại Điều 19, Luật Đầu tư năm 2014.

Điều 3. Điều kiện thực hiện thực án đối với nhà đầu tư

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành chức năng thực hiện các thủ tục về môi trường, đất đai, chuyển mục đích sử dụng rừng, mục đích sử dụng đất, cấp phép xây dựng... theo đúng quy định.

- Chỉ được phép triển khai thực hiện dự án, đầu tư xây dựng khi đã hoàn thành các hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời, đảm bảo hoạt động đúng quy định của pháp luật về môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Các sở, ngành chức năng, Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi căn cứ chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Công ty cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A thực hiện các thủ tục cần thiết, hoàn thành trong thời gian sớm nhất.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

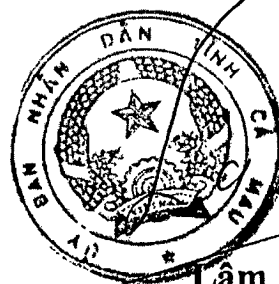
Điều 6. Quyết định này được lập thành 03 (ba) bản chính; 01 bản được cấp cho nhà đầu tư, 01 bản gửi Cơ quan đăng ký đầu tư và 01 bản lưu tại Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- CT UBND tỉnh;
- Sở: TN&MT, NN&PTNT, XD, CT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Đầm Dơi;
- CVP UBND tỉnh;
- Phòng KT (D02.01);
- Lưu: VT, M.A29/3.

} bản sao

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A
của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 417/BC-SKHĐT ngày 19/10/2020 và ý kiến của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh diện tích thực hiện dự án:

“- Diện tích đất, khu vực biên dự kiến sử dụng: 389,92 ha. Trong đó:

+ Diện tích khu vực biển: 368 ha;

+ Diện tích đất: 21,92 ha”.

2. Điều chỉnh thời hạn hoạt động dự án:

“- Thời hạn hoạt động của dự án là 49 năm, thời hạn giao khu vực biển là 30 năm theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ và được gia hạn theo quy định”.

3. Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án:

“- Tiến độ vận hành, cung cấp sản phẩm dịch vụ: Tháng 6/2023”.

Điều 2. Yêu cầu chủ đầu tư triển khai dự án được điều chỉnh đúng quy định; đồng thời, lưu ý thực hiện các ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 417/BC-SKHĐT ngày 19/10/2020 và tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi; người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A và Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế;
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Lưu: VT, KT (D02, 01b), TH58/10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau
Cơ quan: Tỉnh Cà Mau
Ngày ký: 17.09.2021 10:29:04 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1808 /QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**
(cấp lần đầu: ngày 05 tháng 3 năm 2019)
(điều chỉnh lần thứ 02: ngày 17 tháng 9 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A; Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 305/BC-SKHĐT ngày 03/9/2021 và ý kiến của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A đã được chấp thuận tại Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, được điều chỉnh tại Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2020, với nội dung điều chỉnh như sau:

Nội dung diện tích đất, khu vực biên dự kiến sử dụng tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 được điều chỉnh như sau:

“Diện tích đất, khu vực biên dự kiến sử dụng: 389,814 ha, trong đó:

+ Diện tích khu vực biên: 368 ha;

+ Diện tích đất: 21,814 ha.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối theo dõi tổng hợp các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành giám sát, kiểm tra, thanh tra và tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng quản lý nhà nước liên quan đến thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao khu vực biển; kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng đất đai, việc giao đất, cho thuê đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, khu vực biển; việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tại dự án; xử lý hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc sử dụng đất đai, khu vực biển, bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Các sở, ngành: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Cục Thuế và các đơn vị có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực ngành quản lý theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi thực hiện chức năng quản lý nhà nước toàn diện đối với dự án theo quy định; giám sát việc thực hiện dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 và Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

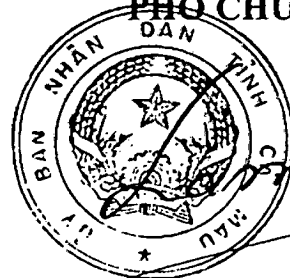
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi; người đại diện theo pháp luật chủ đầu tư dự án và Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho chủ đầu tư dự án và 01 bản được lưu tại cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Lưu: VT; KT (D09.32, 1b), Ktr480/9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2001302494

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 11 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG CÀ MAU 1A

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CA MAU 1A ENERGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CA MAU 1A., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Áp Thuận Thành, Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Điện thoại: 0961192199

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 100.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: BÙI VĂN HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 08/02/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034080008131

Ngày cấp: 03/07/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ số C6, tầng 17, Chung cư CS113, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ số C6, tầng 17, Chung cư CS113, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thanh Tuấn

Số: 1702 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 04 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, họp ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Công văn số 361/NLCM1A ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 436/TTr-STNMT ngày 01 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, được lập bởi Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A (sau đây gọi là Chủ dự án), với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô của dự án:

1.1. Phạm vi: Dự án được thực hiện tại 4 huyện: Đầm Dơi, Cái Nước, Trần Văn Thời, U Minh thuộc tỉnh Cà Mau.

1.2. Quy mô, công suất: Diện tích sử dụng: 2.008,9366 ha, với tổng công suất phát điện 88 MW (bao gồm các hạng mục chính: Lắp đặt 21 turbine gió; trạm biến áp 220KV; đường dây truyền tải điện 220KV; hệ thống cáp ngầm; nhà quản lý và vận hành; cảng nghiêng và đường từ cảng vào trạm; các hạng mục khác thuộc cơ sở hạ tầng).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Trong quá trình triển khai, thực hiện, Chủ dự án phải thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi đi vào vận hành chính thức; phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường, thực hiện đầy đủ chương trình quản lý và giám sát môi trường, như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.2. Chủ dự án phải có kế hoạch phòng ngừa, khắc phục đến mức thấp nhất các tác động đến môi trường trong quá trình thi công tại các khu vực có dự án triển khai, đặc biệt không tác động xấu đến các khu vực nuôi trồng thủy sản của người dân trong khu vực. Thông báo đến chính quyền, người dân các diễn biến bất lợi (nếu có) do hoạt động của dự án gây ra để chủ động lịch lấy nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất. Áp dụng đầy đủ các biện pháp để không gây sự cố tràn dầu trong quá trình thi công; có kế hoạch ứng phó nếu xảy ra sự cố.

2.3. Nước thải sinh hoạt trong quá trình thi công và hoạt động của dự án phải được thu gom, xử lý đúng quy định, đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT) trước khi thải ra môi trường.

2.4. Thu gom, lưu giữ, quản lý, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.5. Theo dõi các hoạt động bồi lắng, xói lở cũng như biến động của dòng chảy vùng biển dự án, có biện pháp chống xói lở đường bờ từ hoạt động thi công, vận hành dự án. Trường hợp phát hiện sự cố xói lở bất thường, phải dừng ngay việc thi công xây dựng và báo cáo cơ quan chức năng để kịp thời kiểm tra, xử lý đảm bảo an toàn.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật lâm nghiệp năm 2017 trong quá trình triển khai dự án, không xâm phạm rừng phòng hộ, vùng sinh thái cần bảo vệ. Mọi hoạt động làm ảnh hưởng đến rừng phải tuân thủ Luật lâm nghiệp năm 2017 và các quy định có liên quan.

3.2. Thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết, bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt. Phân công cán bộ chuyên trách về môi trường để giám sát môi trường, xử lý kịp thời các vấn đề môi trường phát sinh.

3.3. Chủ dự án phải lập phương án bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 21 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.4. Phối hợp với các cơ quan chức năng để đảm bảo an toàn giao thông đường bộ và đường thủy trong thời gian thi công xây dựng và vận hành dự án.

3.5. Phối hợp với các cấp có thẩm quyền của địa phương tiến hành cấm mốc giới dự án và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

3.6. Thực hiện các biện pháp phòng, chống cháy nổ, tiếp địa công trình, đảm bảo an toàn điện từ trường trong quá trình vận hành dự án và các quy định của pháp luật về an toàn điện.

3.7. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với trường hợp phát sinh về môi trường, sự cố môi trường và các nội dung có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện hạng mục đường dây truyền tải điện 220KV, đảm bảo theo đúng quy định.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi Kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật và có văn bản thông báo về Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi niêm yết.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 25 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng sở, ngành, đơn vị có liên quan và Giám đốc Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện: Đầm Dơi, Cái Nước, Trần Văn Thời, U Minh;
- LĐVP UBND tỉnh (Kiều Trung Tĩnh);
- TT. GQTTHC tỉnh;
- P.NN-TN (Nguyên, 23/9);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Sử

Số: 307/QĐ-HĐQT

Cà Mau, ngày 13 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư Nhà máy điện gió Cà Mau 1A

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG CÀ MAU 1A

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Văn bản số 1703/TTg-CN ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung dự án cụm Nhà máy điện gió Cà Mau 1 – giai đoạn 1 vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 338/QĐ-UBND ngày 05/03/2019 của UBND tỉnh Cà Mau chấp thuận cho Công ty cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A thực hiện dự án đầu tư Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, công suất 88MW, tại ấp Thuận Thành, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Văn bản số 1168/ĐL-NLTT ngày 16/7/2019 của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo – Bộ Công Thương về việc Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Văn bản số 1170/VNL-P14 ngày 12/8/2019 của Viện Năng lượng về việc giải trình nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi – TKCS dự án cụm các nhà máy điện gió Cà Mau 1A;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A
2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A



3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Sản xuất điện từ nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo hòa vào lưới điện quốc gia

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng: Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, công suất 88MW

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Viện Năng lượng – Bộ Công Thương

6. Chủ nhiệm lập dự án: Ông Nguyễn Đức Hạnh

7. Địa điểm xây dựng: Tại xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

8. Diện tích sử dụng mặt nước có thời hạn: khoảng 19,21ha

9. Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp năng lượng, nhóm A, cấp I

10. Số bước thiết kế:

- Nhà máy: Ba bước
- Trạm biến áp 220kV: Ba bước
- Đường dây 220kV: Hai bước

11. Phương án xây dựng:

- Cao độ khu nhà điều hành và trạm phân phối khoảng +4,0m;
- Hệ thống mương cáp xây dựng quanh các tuyến đường nội bộ, có đáy bằng bê tông, thành mương xây gạch bằng vữa xi măng B7,5 và tuyến cáp ngầm 22kV vượt biển được chôn trực tiếp ở độ sâu 1,5m so với bề mặt đáy biển;
- Móng gió là móng trọng lực bê tông;

12. Thiết bị công nghệ: Các thiết bị chính bao gồm 21 tổ hợp tuabin gió, công suất mỗi tuabin là 4,2MW (tổng công suất 88MW), tuyến cáp lực trung thế, trạm biến áp 220kV và đường dây đầu nối 220kV.

13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Giải phóng mặt bằng: Thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định, kế hoạch thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền tỉnh Cà Mau.
- Tái định cư: Toàn bộ diện tích đất thu hồi của dự án là đất nông nghiệp kết hợp đất rừng sản xuất, nên không phải bố trí tái định cư.

14. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư dự kiến: 4.929 tỷ đồng (Bốn ngàn, chín trăm, hai chín tỷ đồng Việt Nam) (trị giá trên là sau thuế); trong đó:

- Chi phí xây dựng: 1.308 tỷ đồng

22
T
LI
MP
DO

- Chi phí, thiết bị: 2.918 tỷ đồng
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng: 6,7 tỷ đồng
- Chi phí quản lý dự án: 26 tỷ đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 74 tỷ đồng
- Chi phí khác: 319 tỷ đồng
- Chi phí dự phòng: 277.3 tỷ đồng

15. Nguồn vốn đầu tư: Bằng nguồn vốn tự có của doanh nghiệp và vốn vay thương mại.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

17. Thời gian thực hiện dự án: Giai đoạn 2019 – 2021.

18. Thời hạn sử dụng công trình: 49 năm, theo Quyết định chủ trương đầu tư số 338/QĐ-UBND ngày 05/03/2019 của UBND tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

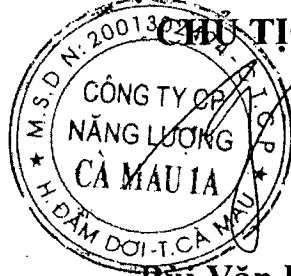
Chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện dự án và quản lý dự án theo đúng nội dung Quyết định phê duyệt dự án đầu tư và các quy định của pháp luật về tổ chức thực hiện dự án đầu tư.

Điều 3. Ban Giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A, các phòng, bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

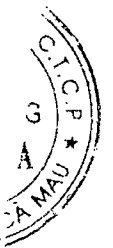
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TBCN.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Văn Hiếu



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

Số: 2134 /QĐ-UBND



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau
Cơ quan: Tỉnh Cà Mau
Ngày ký: 11.10.2021 16:57:20 +07:00

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày 11 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A (trường hợp lập lại)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thường trực thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường) tại Công văn số 2727/STNMT-BVMT ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A (trường hợp lập lại);

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A (trường hợp lập lại) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 45/CM1A-BQL ngày 09 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 429/TTr-STNMT ngày 11 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A (trường hợp lập lại) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện trên địa bàn 4 huyện: Đầm Dơi, Cái Nước, Trần Văn Thời và U Minh, với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện: Đầm Dơi, Cái Nước, Trần Văn Thời, U Minh;
- UBND các xã: Tân Tiến, Nguyễn Huân, Ngọc Chánh, Tân Duyệt, Trần Phán, Tân Trung, Lương Thế Trân, Thạnh Phú, Tân Hưng, Lợi An, Khánh Bình và Khánh An;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT. GQTTHC tỉnh;
- P.NN-TN (Nguyên, 40/10);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Sử



Phụ lục

PHỤ LỤC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ CÀ MAU 1A (TRƯỜNG HỢP LẬP LẠI)

*(kèm theo Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

1. Thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Nhà máy điện gió Cà Mau 1A.
- Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A.
- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Thuận Thành, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn Hiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Vị trí thực hiện Dự án: tại 4 huyện: Đầm Dơi, Cái Nước, Trần Văn Thời, U Minh, tỉnh Cà Mau.
- Diện tích thực hiện Dự án: 389,814 ha (trong đó: Diện tích khu vực biển 368 ha; diện tích đất 21,814 ha).
- Quy mô, công suất Dự án: 88 MW.
- Loại hình Dự án: Công trình năng lượng.
- Các hạng mục, công trình của Dự án:
 - + Hạng mục, công trình chính: Lắp đặt 21 tuabin gió, mỗi tuabin công suất phát điện là 4,2 MW, trạm biến áp 220KV, đường dây truyền tải điện 220KV, hệ thống cáp ngầm, nhà quản lý và vận hành, tuyến kênh vận chuyển từ sông Hồ Gùi vào nhà điều hành và trạm biến áp.
 - + Hạng mục, công trình phụ trợ: Kho vật tư và xưởng sửa chữa thay thế thiết bị, nhà bảo vệ cổng chính, nhà xe, trạm bơm cấp nước và nước cứu hỏa, tường rào nhà máy, hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
 - + Hạng mục, công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, bể dầu sự cố, kho chứa chất thải nguy hại, bãi chứa chất thải nạo vét, ao lắng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Giai đoạn triển khai xây dựng:*

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân; nước thải xây dựng phát sinh từ vệ sinh dụng cụ thi công, xe vận chuyển vật liệu thi công, từ các phương tiện vận chuyển thủy nội địa (nước thải từ hoạt động của sà lan), từ quá trình bơm nước các hố chắn thi công hạng mục dưới nước, từ thi công xây dựng các trụ tuabin gió, từ quá trình bơm cát lấp mặt bằng trạm biến áp, nhà điều hành; nước thải tàu (gồm nước dẫn tàu, nước thải đáy tàu); nước thải nạo vét từ máy đào gầu mang theo cùng với bùn nạo vét, nước rỉ từ chất nạo vét; nước mưa chảy tràn trên bề mặt công trường, các phương tiện chuyên chở vật tư, thiết bị trên sông, biển và nước mưa chảy tràn ở bãi chứa chất nạo vét ra khu vực xung quanh.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu, thi công móng cầu dẫn, móng trụ tuabin, bãi chứa chất nạo vét; hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công. Mùi hôi do trầm tích hữu cơ trong chất nạo vét bị phân hủy.

+ Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang, xây dựng công trình, thi công nạo vét (đất bùn nạo vét), quá trình dọn dẹp bãi chứa chất nạo vét và sinh hoạt của cán bộ, công nhân.

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động, vận chuyển của phương tiện, máy móc thi công.

- *Giai đoạn vận hành:*

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân; nước thải vệ sinh máy móc thiết bị thi công và nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực Dự án.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển chất thải rắn và phương tiện của cán bộ, công nhân.

+ Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình vận hành nhà máy, bảo dưỡng thiết bị và từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân.

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, vệ sinh thiết bị, máy móc Nhà máy điện gió.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- *Giai đoạn triển khai xây dựng:*

+ Nước thải sinh hoạt: Khoảng 16 m³/ngày đêm, thành phần ô nhiễm chính bao gồm TSS, chất hữu cơ, dầu mỡ, Nitơ, Phốt pho và Coliform...

+ Nước thải xây dựng: Chủ yếu chứa đất, cát xây dựng, vữa xi măng...

+ Nước thải tàu (gồm nước dẫn tàu, nước thải đáy tàu): Thành phần ô nhiễm gồm COD, TSS, dầu mỡ khoáng, Coliform...

+ Nước thải nạo vét: Khoảng 2 m³/ngày, chủ yếu là TSS, COD...

+ Nước mưa chảy tràn: Chủ yếu chứa TSS, chất hữu cơ trên bề mặt công trường.

- *Giai đoạn vận hành:*

+ Nước thải sinh hoạt: Khoảng 2,4 m³/ngày đêm, thành phần ô nhiễm chủ yếu là TSS, chất hữu cơ, dầu mỡ, Nitơ, Phốt pho và Coliform...

+ Nước thải từ vệ sinh phương tiện, thiết bị: Chủ yếu chứa dầu, mỡ, chất rắn lơ lửng.

+ Nước mưa chảy tràn: Chủ yếu chứa TSS, chất hữu cơ, rác thải trên bề mặt khu vực thực hiện Dự án.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải, mùi hôi:

- *Giai đoạn triển khai xây dựng:*

+ *Bụi, khí thải:* phát sinh chủ yếu trong quá trình tập kết, bốc dỡ nguyên vật



trou, vật tư thiết bị. Lượng phát sinh cục bộ, không lớn.

Mùi hôi: Trong quá trình nạo vét, tầng bùn đất dưới đáy biển bị đào xới, xáo trộn các chất hữu cơ bị phân hủy trong bùn đất sẽ được đưa lên khỏi mặt nước gây phát sinh mùi hôi. Thành phần chủ yếu của mùi hôi gồm CH_4 , H_2S ...

- *Giai đoạn vận hành:* rất ít phát sinh bụi, khí thải.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- *Giai đoạn triển khai xây dựng:*

+ *Chất thải từ quá trình phát quang:* Khoảng 28,8 tấn, chủ yếu là thân cây đước, cây mắm, cây thân cỏ...

+ *Chất thải rắn xây dựng:* Khoảng 100 - 120 kg/ngày, chủ yếu là các loại vật liệu xây dựng thải bỏ như gạch, đá, sắt thép vụn, gỗ, dây kẽm...

+ *Chất thải thi công trụ turbine và trụ điện đường dây truyền tải:* Khoảng 600 m³, thành phần chủ yếu là bùn đất.

+ *Chất thải nạo vét tuyến kênh:* Khoảng 12.880 m³, thành phần chủ yếu là bùn đất.

+ *Chất thải từ quá trình dọn dẹp bãi chứa chất nạo vét:* Chủ yếu là đất.

+ *Chất thải rắn sinh hoạt:* khoảng 130 kg/ngày, chủ yếu là thủy tinh, giấy, bao bì nilon...

- *Giai đoạn vận hành:*

+ *Chất thải rắn phát sinh từ quá trình vận hành và bảo dưỡng nhà máy:* khoảng 25 - 35 kg/tháng, chủ yếu là sứ cách điện bị nứt, vỡ, giấy cách điện bị rách, các thiết bị hư hỏng, máy móc hư hỏng...

+ *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khoảng 19,5 kg/ngày, chủ yếu là vỏ trái cây dư thừa, thức ăn thừa, bao bì, bọc nylon, dụng cụ, đồ dùng sinh hoạt hư hỏng, giấy...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- *Giai đoạn triển khai xây dựng:* Khoảng 3 kg/ngày, bao gồm bóng đèn huỳnh quang, thiết bị hư hỏng có dính dầu mỡ, bình acquy, thùng phuy đựng nhiên liệu sau khi sử dụng...

- *Giai đoạn vận hành:* Chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải (1 kg/tháng), giẻ lau, bao tay dính dầu sơn (15 kg/tháng), pin, ắc quy (15 kg/tháng), hộp mực in thải (1 kg/tháng), dầu nhiên liệu và dầu nhớt thải (50 kg/tháng).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- *Giai đoạn triển khai xây dựng:*

+ *Nước thải sinh hoạt:* Trên mỗi sà lan có trang bị bể tự hoại để thu gom nước thải. Tại khu vực thi công trên bờ, xây dựng nhà vệ sinh đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của công nhân.

+ *Nước thải xây dựng:* Nước thải vệ sinh dụng cụ thi công, xe vận chuyển vật liệu thi công: Xây dựng đường thoát nước, bố trí bể lắng để lắng cặn. Sử dụng

02 bể lắng di động 3 ngăn (thể tích 10 m³/bể) để xử lý nước thải, lắp đặt tại vị trí đang thi công và được đấu nối với hệ thống mương thu nước vệ sinh dụng cụ, xe thi công và nước thải từ hố chôn thi công. Sau thời gian lắng phần nước trong tận dụng tưới mặt bằng thi công; nước thải xây dựng từ các phương tiện vận chuyển thủy nội địa (nước thải từ hoạt động của sà lan): Đưa ra nội quy, quy chế phối hợp cam kết chặt chẽ và bắt buộc đối với các chủ sà lan neo đậu trong quá trình thi công không được phép xả nước thải vào biển khi chưa qua xử lý; nước thải từ quá trình bơm nước các hố chôn thi công hạng mục dưới nước: Bố trí bể lắng di động để lắng cặn trước khi thải vào nước biển tại khu vực thi công; nước thải thi công xây dựng các trụ tuabin gió: Hạn chế thi công tại thời điểm triều cường để hạn chế việc phát tán ô nhiễm do dòng chảy; nước thải trong quá trình bơm cát lấp mặt bằng trạm biến áp, nhà điều hành: Xử lý bằng ngăn lắng tại khu vực dự án phân nước trong mới thoát vào kênh rạch đảm bảo không ảnh hưởng các hộ dân lân cận.

+ Nước thải tàu: Nước dẫn tàu được chứa trong két riêng biệt, két chứa phải được giữ vệ sinh sạch sẽ, tránh rò rỉ và không được tiếp xúc với thành phần các loại chất thải và không thải ra môi trường.

+ Nước thải nạo vét từ máy đào gầu cạp mang theo cùng với chất nạo vét: Thu gom chung với chất nạo vét khi đưa lên bờ sẽ chứa tại bãi chứa chất nạo vét. Nước thải khi đó được dẫn về ao lắng để xử lý trước khi thải ra môi trường.

+ Nước mưa chảy tràn trên phương tiện thi công: Thực hiện che chắn an toàn cho những vị trí hay rơi vãi dầu, nhớt. Trên phương tiện nạo vét trang bị đầy đủ giẻ lau, thùng chứa để gom dầu rơi vãi, không dùng nước để dội rửa tại những vị trí trên phương tiện nạo vét, phương tiện vận chuyển có dầu nhớt rò rỉ, rơi vãi. Sử dụng tấm bạt che phủ toàn bộ diện tích bề mặt chứa đất bùn nạo vét trên các phương tiện khi có mưa lớn.

- *Giai đoạn vận hành*: Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- *Quy trình xử lý*: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại của nhà vệ sinh và nước thải nhà ăn được tách mỡ → Bể kỵ khí → Bể xử lý hiếu khí → Bể lắng trung gian → Bãi lọc ngầm dòng chảy ngang → Khử trùng → Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) → thoát ra nguồn tiếp nhận là sông rạch xung quanh đang tiếp nhận nước thải sinh hoạt của dân cư trong vùng.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải, mùi hôi:

Cả 2 giai đoạn đều có biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải như sau:

- Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển nguyên, vật liệu phù hợp; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các phương tiện, máy móc tham gia thi công theo quy định.

- Khu vực thi công đào đất tại bãi chứa chất nạo vét, khu vực tập kết, bốc dỡ vật liệu xây dựng được che chắn để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Bố trí bãi tập kết vật liệu xây dựng ở địa điểm phù hợp; lót nền khu vực chứa vật liệu xây dựng bằng vật liệu chống thấm theo quy định.



- Sử dụng bạt che phủ phía trên cho các phương tiện vận chuyển chất thải nạo vét và sản phẩm tận thu.
- Tất cả các thiết bị thi công đưa vào sử dụng tại khu vực dự án đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, đảm bảo hoạt động đúng thiết kế của động cơ, được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ trong suốt thời gian thi công.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với bãi chứa chất nạo vét phải có sự chấp thuận của cơ quan chính quyền, phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phải có thể tích chứa đủ lượng chất nạo vét, được xây dựng đê bao chống tràn, có khu vực lắng trước khi thải ra bên ngoài, có khoảng cách ly dân cư (không sát cạnh nhà dân, ao nuôi thủy sản).
- Thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh và lưu giữ ở vị trí phù hợp; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Phân loại, thu gom, xử lý toàn bộ chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh, áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thi công, đổ thải, đáp ứng các yêu cầu tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và các quy định khác về an toàn, bảo vệ môi trường và Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại và lưu giữ ở vị trí phù hợp đúng quy định; xây dựng và quản lý kho chứa chất thải nguy hại đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại; phối hợp với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và các quy định khác về an toàn, bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Phương án đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông:

a) Phạm vi, quy mô, thời gian thực hiện:

- Phạm vi: Tuyến nạo vét thuộc tuyến kênh từ sông Hồ Gùi đến vị trí nhà quản lý vận hành.
- Quy mô:
 - + Tổng chiều dài nạo vét: 210 m, với 02 đoạn: Đoạn 1 có chiều dài 70 m,

chiều rộng bề mặt 14 m. Đoạn 2 có chiều dài là 140 m, chiều rộng bề mặt là 24m.

+ Cao trình đáy kênh: -4 m;

+ Chiều rộng đáy kênh: Chiều rộng bề mặt đoạn 1: 14 m; chiều rộng bề mặt đoạn 2: 24 m; hệ số mái kênh: 1,5.

- Thời gian thực hiện: Thi công trong 03 tháng.

b) Các yêu cầu, điều kiện về bảo vệ lòng bờ, bãi sông, bảo đảm sự ổn định của bờ sông, các vùng đất ven sông và phòng, chống sạt lở bờ sông:

- Thực hiện biện pháp chống sạt lở, xói lở bờ sông vùng nội địa: Vị trí tuyến kênh đào tiếp giáp với sông Hồ Gui và khi hoàn thiện sẽ có các phương tiện vận chuyển thiết bị với quy mô lớn hoạt động. Trong quá trình vận chuyển sẽ tạo ra sóng vỗ vào bờ có khả năng gây sạt lở đối với khu vực cửa sông Hồ Gui và tuyến kênh vận chuyển. Do đó, để hạn chế tình trạng sạt lở ở khu vực cửa sông Hồ Gui thì trong quá trình thi công tuyến kênh vận chuyển sẽ tiến hành gia cố khu vực cửa sông Hồ Gui tiếp giáp với tuyến kênh bằng kè.

Ngoài ra, trong quá trình vận chuyển thiết bị nếu xảy ra sự cố sạt lở khu vực cửa sông Hồ Gui và tuyến kênh vận chuyển thiết bị thì Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Dừng ngay các phương tiện vận chuyển thiết bị tại tuyến kênh sạt lở và các khu vực lân cận;

+ Xây kè bằng vật liệu địa phương (kè bằng các vật liệu địa phương, kè bản nhựa, kè tường mềm bằng tre giảm sóng...) để ngăn chặn vị trí sạt lở và các vị trí xung quanh và tiến hành gia cố bờ tuyến kênh.

Sà lan vận chuyển đất bùn thải được vận hành với tốc độ theo quy định cho phép. Khi sà lan cập bờ phải neo đậu đúng vị trí, tránh dịch chuyển nhiều lần ảnh hưởng đến đường bờ.

- Thực hiện biện pháp chống sạt lở, xói lở lòng dẫn, bờ biển: Thực hiện nạo vét đúng biện pháp, vị trí, hướng tuyến, chuẩn tắc thiết kế được duyệt. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hiện tượng sạt lở trong khu vực nạo vét, trong trường hợp phát hiện sự cố sạt lở, xói lở phải dừng ngay việc nạo vét và báo cáo cơ quan có chức năng để kịp thời kiểm tra, xử lý. Các phương tiện khi lưu thông trên khu vực Dự án phải vận hành đúng tốc độ cho phép.

3.6. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái rừng:

- Nghiêm cấm việc săn, bắt động vật hoang dã và phá rừng sai quy định; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; tích cực tuyên truyền bảo vệ rừng, đảm bảo tính toàn vẹn cho diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng trồng ngoài khu vực quy hoạch của Dự án. Đảm bảo cao độ tự nhiên giữa các cột điện gió để giảm thiểu tác động do thay đổi địa hình và sinh cảnh tự nhiên.

- Lập phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trình cơ quan chức năng để tham gia ý kiến và phối hợp với các đơn vị quản lý rừng thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát định kỳ về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Quá trình thi công, vận hành phải đảm bảo thực hiện quy định về đầy đủ



Quy định về đa dạng sinh học của Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) và quy định về bảo vệ rừng của Luật Lâm nghiệp năm 2017.

3.7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Thực hiện thu gom và thoát nước mưa theo đúng quy định hiện hành; có biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến sinh kế của cộng đồng khu vực Dự án và lân cận, khu vực chứa chất nạo vét. Đặc biệt chú ý đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường khu vực chứa chất nạo vét, có biện pháp hữu hiệu ngăn ngừa vỡ, rò rỉ bờ bao khu chứa chất nạo vét chảy tràn vào khu vực sản xuất, sinh hoạt của dân cư xung quanh.

- Thực hiện giám sát và thường xuyên theo dõi xói lở, bồi tụ khu vực Dự án và liên kề Dự án; có biện pháp phòng chống, khắc phục xói lở do tác động của Dự án.

- Giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng cho cán bộ, công nhân viên, người lao động làm việc cho Dự án; quy định trách nhiệm của các nhà thầu thực hiện quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học trong quá trình thi công, triển khai Dự án; có biện pháp phục hồi hiện trạng cảnh quan môi trường khu vực bãi chứa chất nạo vét sau khi kết thúc Dự án.

- Lập phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố, rủi ro môi trường, ứng phó sự cố chất thải, sự cố tràn dầu, sự cố thiên tai trong thi công xây dựng, vận hành Dự án, bảo đảm ứng phó kịp thời khi có các sự cố xảy ra; phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan đến Dự án.

- Thông tin rộng rãi, kịp thời cho chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư nơi triển khai Dự án biết về các hoạt động thi công và vận hành của Chủ dự án, các vấn đề môi trường phát sinh từ Dự án để chủ động áp dụng các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác hại do ô nhiễm.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 10 m³.
- Bể chứa dầu sự cố có kích thước 90 m³.
- Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 25 m².
- Bãi chứa chất nạo vét: có tổng sức chứa bãi chứa chất nạo vét là 12.880 m³.
- Ao lắng để xử lý nước thải từ bãi chứa chất nạo vét.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng:

* *Giám sát chất lượng nước biển ven bờ:*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại khu vực thi công tại các trụ tuabin gió.
- Thông số giám sát: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng dầu mỡ khoáng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

* *Giám sát chất lượng trầm tích:*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công tại các trụ tuabin gió.

- Thông số giám sát: Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 43-MT:2012/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.

* *Giám sát chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn:*

- Tần suất giám sát định kỳ: 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại công trường thi công khu nhà máy chính và 01 vị trí tại công trường thi công khu quản lý vận hành).

- Thông số giám sát: Bụi tổng, SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

* *Giám sát chất thải rắn:*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: tại điểm tập kết chất thải rắn.

- Giám sát khối lượng và thành phần của các loại chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp thông thường, nguy hại)

* *Giám sát xói lở, bồi lắng:*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: Tuyến đường bờ thuộc khu vực Dự án và lân cận.

5.2. Giai đoạn vận hành:

* *Giám sát chất thải rắn:*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm tập kết chất thải rắn.

- Giám sát khối lượng và thành phần của các loại chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp thông thường, nguy hại).

* *Giám sát điện từ trường:*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực trạm biến áp và nhà vận hành, 01 điểm gần trụ cột đầu nối tuyến đường dây 110 kV.

- Thông số giám sát: Cường độ điện trường.



Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 25:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc;

+ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

* *Giám sát xói lở, bồi lắng:*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: Tuyến đường bờ thuộc khu vực Dự án và lân cận.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Dự án chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi đã được cấp có thẩm quyền giao đất theo đúng quy định của Luật Biển Việt Nam năm 2012, Luật Đất đai năm 2013, Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp 2017 và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng và đa dạng sinh học của khu vực Dự án và khu vực tiếp giáp theo đúng quy định của pháp luật.

- Chỉ được thực hiện các công trình xây dựng trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới đã được phê duyệt quy hoạch xây dựng và theo đúng các yêu cầu kỹ thuật về kết cấu công trình. Bảo đảm việc thiết kế, xây dựng các công trình trên cơ sở hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, không ảnh hưởng đến mục tiêu bảo tồn thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Trong giai đoạn xây dựng Dự án, phải lắp đặt các biển cảnh báo và có các biện pháp thông báo tới các chủ phương tiện giao thông lưu thông trong khu vực, người dân về các hoạt động của Dự án; phòng tránh các sự cố tai nạn giao thông, bảo đảm an toàn cho người dân, cán bộ công nhân viên thực hiện Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường, cháy rừng, các sự cố gây tác động tiêu cực tới đa dạng sinh học của khu vực, Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động thi công xây dựng, chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

- Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học cho cán bộ và công nhân khi thi công xây dựng.

- Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương để cung cấp thông tin về tình hình diễn biến môi trường, diễn biến xói lở (nếu có), thu thập phản ánh của cộng đồng địa phương các vấn đề liên quan đến sinh kế, ảnh hưởng môi trường để khắc phục kịp thời.

- Phải tuân thủ nghiêm ngặt an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, ứng phó sự cố tràn dầu, ứng phó thiên tai trong suốt thời gian thi công, vận hành Dự án.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý, giám sát môi trường, thực hiện đúng, đầy đủ chế độ báo cáo như đã

nêu trong Quyết định này

- Tuân thủ các quy định hiện hành về đất đai, an toàn hóa chất và phòng chống cháy, nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, phòng chống cháy, nổ, sự cố tràn dầu trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý, giám sát môi trường, thực hiện đúng, đầy đủ chế độ báo cáo như đã nêu trong Quyết định này./.



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau
Email: ubndt@camau.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Cà Mau
Ngày ký: 05.03.2021 15:51:43 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 420/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 04 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án nộp tiền trồng rừng thay thế
Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 05/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 618/SNN-KL ngày 02/3/2021 (kèm đề nghị của Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A tại Tờ trình số 50/TTr-CM1A ngày 25/02/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án nộp tiền trồng rừng thay thế đối với Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên phương án: Phương án nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Cà Mau 1A.

2. Vị trí, diện tích, hiện trạng khu rừng chuyển đổi mục đích sử dụng:

a) Vị trí: Ấp Mai Hoa, xã Nguyễn Huệ, huyện Đầm Dơi.

b) Tổng diện tích có rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác: 2,3604ha (trong đó: Đất rừng phòng hộ 0,7100ha và rừng sản xuất 1,6504ha).

c) Loại rừng chuyển mục đích sử dụng: Rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

d) Nguồn gốc hình thành rừng: Rừng trồng năm 1998 và 2018.

3. Diện tích phải thực hiện trồng rừng thay thế: 2,3604ha.

4. Chủ dự án nộp tiền trồng rừng thay thế: Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A.

5. Tổng số tiền phải nộp để trồng rừng thay thế: 159.914.002 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu, chín trăm mười bốn nghìn, không trăm lẻ hai đồng).

6. Nơi nộp tiền: Tài khoản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Cà Mau.

7. Thời gian nộp tiền: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ, phân bổ kinh phí cho các đơn vị có liên quan, để trồng rừng thay thế từ nguồn kinh phí do Chủ dự án nộp; đồng thời, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Chủ dự án thực hiện hồ sơ, thủ tục đất đai và chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo đúng quy.

2. Chủ dự án có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng để thực hiện hồ sơ, thủ tục nêu trên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Cà Mau, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A và Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- PNN-TN (Nguyễn, 11/3);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Sử

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 05 tháng 02 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 16 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số 09/BC-HĐND ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 16 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau cho 06 công trình, dự án với tổng diện tích 17,496 ha, trong đó: Diện tích rừng phòng hộ 13,850 ha; rừng sản xuất 3,646 ha (Kèm theo Phụ lục).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 16 (chuyên đề) thông qua ngày 05 tháng 02 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



cal
Nguyễn Tiến Hải

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Tên công trình dự án/Tên tổ chức đề nghị	Địa điểm khu đất (xã, phường, thị trấn)	Trong đó				Ghi chú
			Tổng diện tích có rừng chuyên đổi mục đích sử dụng (ha)	Phân theo quy hoạch, loại rừng, nguồn gốc và loài cây			
				Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Nguồn gốc và loài cây	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)
1	Nhà máy điện gió Tân Ân 1 - giai đoạn 1, do Công ty Cổ phần Đầu tư thủy điện Sông Lam làm chủ đầu tư	Xã Tân Ân, xã Tân Ân Tây và thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển	3,3300	3,0400	0,2900	Rừng được trồng năm 1998 và năm 2009	
2	Nhà máy điện gió Viên An, do Công ty TNHH MTV Năng lượng Viên An Cà Mau làm chủ đầu tư	Xã Viên An Đông, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển	10,3700	10,1000	0,2700	Rừng được trồng năm 1998 và 2009	

THƯ VIỆN PHÁP L

STT	Tên công trình dự án/Tên tổ chức đề nghị	Địa điểm khu đất (xã, phường, thị trấn)	Trong đó				Ghi chú
			Tổng diện tích có rừng chuyển đổi mục đích sử dụng (ha)	Phân theo quy hoạch, loại rừng, nguồn gốc và loài cây			
				Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Nguồn gốc và loài cây	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)
3	Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, do Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1A làm chủ đầu tư	Xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	2,3604	0,7100	1,6504	Rừng được trồng năm 1998 và năm 2018	
4	Nhà máy điện gió Cà Mau 1C, do Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1C làm chủ đầu tư	Xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	0,1496		0,1496	Rừng được trồng năm 2018	
5	Nhà máy điện gió Cà Mau 1D, do Công ty Cổ phần Năng lượng Cà Mau 1D làm chủ đầu tư	Xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	0,8480		0,8480	Rừng được trồng năm 2018	
6	Tuyến đường Phan Ngọc Hiến (nổi dãi) huyện Phú Tân, do Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh làm chủ đầu tư	Thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân	0,4380		0,4380	Rừng được trồng năm 2016	
Tổng cộng			17,4960	13,8500	3,6460		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau.

1. Tên tổ chức: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TỈNH CÀ MAU (Theo Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại Ban quản lý dự án công trình Xây dựng tỉnh Cà Mau).

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 4, đường Tạ An Khương, phường 5 thành phố Cà Mau.

3. Địa chỉ liên hệ:

- Số 4, đường Tạ An Khương, phường 5 thành phố Cà Mau.

- Điện thoại: 02903.817.384; di động 0919.008.076.

4. Các thông tin về rừng:

- Vị trí khu rừng: (ghi rõ tên tiểu khu, khoảng, lô): Khu rừng xin chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Thuộc đất giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân theo Luật đất đai, nằm trên địa giới hành chính xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Diện tích rừng (ha): Tổng diện tích thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình là: 23.700 m². Trong đó:

+ Diện tích có rừng là: 21.900 m²;

+ Diện tích không có rừng: 1.800 m².

- Chức năng rừng (ghi rõ rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất): Rừng sản xuất (theo Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng đến năm 2020).


- Loại rừng: Rừng tràm.

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng năm 2016, 2017.

- Mục đích của việc chuyển mục đích sử dụng rừng: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

5. Cam kết thực hiện đúng các quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng của pháp luật về lâm nghiệp.

Cà Mau, ngày 01 tháng 10 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Giao

Số: 6/BC-BCTXD

Cà Mau, ngày 27 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc hiện trạng rừng khu vực chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Xây dựng nghĩa trang tỉnh Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Báo cáo số 83/BC-SKHĐT ngày 16/03/2021 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Trên cơ sở đó, Ban quản lý dự án công trình Xây dựng tỉnh lập Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng tại Khu vực chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

- Vị trí: Khu rừng xin chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Thuộc đất giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân theo Luật đất đai, nằm trên địa giới hành chính xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Diện tích: Tổng diện tích thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình là: 23.700 m². Trong đó:

+ Diện tích có rừng là: 21.900 m²;

+ Diện tích không có rừng: 1.800 m².

- Chức năng rừng: Rừng sản xuất (theo Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng đến năm 2020).

- Loài cây: Tràm bản địa (*Melaleuca Cajuputi*).

- Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng năm 2016, 2017 (theo kết quả kiểm kê rừng năm 2014).

- Tổng diện tích có rừng xin chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là: 21.900 m².

- Mục đích chuyển đổi thực hiện: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Trữ lượng rừng bình quân khoảng: 80 m³/ha.

Trên đây là báo cáo hiện trạng rừng khu vực chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau của Ban quản lý dự án công trình Xây dựng tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở NN và Phát triển nông thôn;
- BGD (năm);
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT P.HC-KT, QLDA2.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Giao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc khảo sát hiện trạng, bổ sung Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau vào Danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00, ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại UBND xã

Khánh An

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ GỒM:

- Ông (bà): Phạm Văn Hữu, chức vụ: Phó CT UBND xã Khánh An
- Ông (bà): Hồng Minh Thủy, chức vụ: Trưởng phòng QLDA
- Ông (bà): Thân Minh Phương, chức vụ: Chuyên Viên Hạt KL U Minh
- Ông (bà): Đào Minh Dũng, chức vụ: Trưởng ấp 15
- Ông (bà): Trương Thanh Bình, chức vụ: DD hồ sơ sinh hương
- Ông (bà): Nguyễn Việt Tín, chức vụ: Kiểm lâm địa phương
- Ông (bà): , chức vụ:
- Ông (bà): , chức vụ:
- Ông (bà): , chức vụ:

II. NỘI DUNG:

Di vào nội dung anh Hồng Minh Thủy đại diện ban quản lý dự án công trình xây dựng tỉnh (chủ đầu tư) giới thiệu thành phần hồ sơ tài và tiến hành nội dung việc họp khảo sát hiện trạng thu lục hồ sơ hương bởi dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào Khmer phục vụ công tác bồi sung danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất,

chuyển mục đích, sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2021 và tiến hành khai thác gỗ

qua kho, số tiền rừng tại trong kho số 88
nơi dùng sau:
+ Tổng diện tích, thực hiện dự án là 25.700 m² trong đó:
- Diện tích đất có rừng là 21.900 m²
- Diện tích đất không có rừng là 3.800 m²

+ Vì từ thời hiện tại đến 15/01/2021, các khoản in, chuyển
U. Minh
+ Nguồn gốc đất: Đất của hộ gia đình, cá nhân,
đất state, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khai
đất rừng sản xuất và đất sản xuất kết hợp

+ Nguồn gốc rừng: rừng trồng, rừng sản xuất, rừng
do hộ gia đình cá nhân tự trồng và tự quản lý, đất rừng
khảo sát




Biên bản kết thúc cùng ngày có đọc cho các thành phần tham dự cùng nghe, thống nhất ký tên vào biên bản.

GHI BIÊN BẢN

THÀNH PHẦN THAM DỰ KÝ TÊN

ĐẠI DIỆN

Hội ND xã Khánh An.....



Phạm Văn Hiếu

ĐẠI DIỆN

ban QLĐACTXD tỉnh.....

Hồng Minh Thủy

ĐẠI DIỆN

Hội Kim lân U Minh

Trần Minh Phương

ĐẠI DIỆN

trò qua đình hi ảnh hưởng.....

*Bình
Phước Thành Bình*

ĐẠI DIỆN

BND cấp 15.....

Đào Minh Đường

ĐẠI DIỆN

Nguyễn Việt Tin

ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2378 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng
Nghĩa trang tỉnh Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỷ lệ 1/500**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 53/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang tỉnh Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Thông báo số 1427/TB-VP ngày 31/12/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Mũi Cà Mau và Quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang tỉnh Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3991/TTr-SXD ngày 26/12/2019 và Báo cáo thẩm định số 3990/BCTĐ-SXD ngày 26/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang tỉnh Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỷ lệ 1/500 với những nội dung chính như sau:

1. Vị trí, ranh giới khu vực lập quy hoạch

- Phạm vi lập quy hoạch thuộc ấp 15, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; ranh giới như sau:

- + Phía Đông: Giáp nghĩa trang hiện trạng và đất rừng sản xuất;
- + Phía Tây: Giáp đất rừng sản xuất;
- + Phía Nam: Giáp đất rừng sản xuất và đầu nối ra tuyến lộ nhựa T23;
- + Phía Bắc: Giáp đất rừng sản xuất.

2. Diện tích khu vực lập quy hoạch

- Tổng diện tích Nghĩa trang tỉnh Cà Mau: 59,82ha.
- Diện tích đường giao thông dự kiến đầu nối từ công phụ Nghĩa trang tỉnh Cà Mau vào tuyến đường Cà Mau - U Minh: 1,32ha.

3. Tính chất

- Khu vực quy hoạch được xác định với chức năng là nơi chôn cất, lưu giữ tro cốt của người quá cố;

- Di dời các nghĩa trang, nghĩa địa trong nội ô thành phố Cà Mau.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản

a. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất:

Áp dụng QCVN 07-10:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình nghĩa trang.

* Tỷ lệ sử dụng đất (tính trên tổng diện tích đất) nghĩa trang:

- Diện tích khu mai táng tối đa là 60% (khoảng 36ha);
- Diện tích các công trình chức năng và công trình hạ tầng kỹ thuật tối thiểu là 40% (khoảng 24ha), trong đó:

+ Diện tích cây xanh tối thiểu 25% (khoảng 15ha);

+ Diện tích giao thông tối thiểu 10% (khoảng 6ha).

* Diện tích đất sử dụng cho mỗi mộ (không bao gồm đường đi xung quanh mộ).

TT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị	Theo định mức tối đa	Đồ án áp dụng
1	Mộ phần chôn một lần	m ² /mộ phần	5	3,4
2	Mộ phần cát táng	m ² /mộ phần	3	1,5
3	Ô để lọ tro cốt hỏa táng	m ³ /ô	0,125	0,125

*Kích thước mộ và huyệt mộ:

- Mộ chôn cất một lần:

Kích thước mộ (dài x rộng x cao): 2,4m x 1,4m x 0,8m;

Kích thước huyệt mộ (dài x rộng x cao): 2,2m x 0,9m x 1,5m;

- Mộ cát táng và mộ chôn cất lọ tro cốt sau hỏa táng:

Kích thước mộ (dài x rộng x cao): 1,5m x 1,0m x 0,8m;

Kích thước huyệt mộ (dài x rộng x cao): 1,2m x 0,8m x 0,8m.

- Kích thước ô để lọ tro cốt (dài x rộng x cao): 0,5m x 0,5m x 0,5m.

b. Chỉ tiêu về công trình hạ tầng kỹ thuật:

Áp dụng Tiêu chuẩn TCVN 7956:2008 về nghĩa trang đô thị.

TT	Các hạng mục hạ tầng	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Giao thông:		
1.1	Khoảng cách đi bộ xa nhất	km	0,5
1.2	Mật độ đường chính	km/km ²	3,5 - 4
1.3	Mật độ đường trung bình	km/km ²	4 - 5
1.4	Tỷ lệ đất giao thông	%	10 - 15
II	Cấp điện:		
2.1	Công trình công cộng, dịch vụ		15 - 20
2.2	Chiếu sáng:	W/m ² sàn	
	+ Đường, quảng trường	kW/ha	1,5 - 3,0
	+ Cây xanh, công viên	kW/ha	1 - 1,2
III	Cấp nước:		
	+ Nhân viên phục vụ	lít/ng.ng	100
	+ Khách thăm viếng	lít/ng.ng	5
	+ Tưới cây rửa đường	% Q	10
IV	Thoát nước		
	+ Nhân viên phục vụ	lít/ng.ng	100
	+ Khách thăm viếng	lít/ng.ng	5
	+ Tưới cây rửa đường	% Q	10
V	Thu gom chất thải rắn	kg/người.ngày	0,6 - 1,0
VI	Chuẩn bị kỹ thuật:		
	+ Mật độ công	km/ha	4

VII	Môi trường:		
	+ Độ ẩm của đất	%	50 - 70
	+ Đất cây xanh	%	15 - 33
	+ Độ sâu huyết mộ	m	1,5 - 2

5. Cơ cấu tổ chức phân khu chức năng

- Tuân thủ các tiêu chuẩn quy định đối với các yếu tố kỹ thuật đô thị.
- Xác định các tuyến giao thông chính xung quanh khu vực quy hoạch và các tuyến giao thông đầu nối.

- Bố trí quy hoạch thành từng khu, cụm theo từng tôn giáo khác nhau.

- Hàng rào bảo vệ kết hợp trồng cây xanh.

Đề án quy hoạch chi tiết xây dựng bao gồm các khu chức năng sau:

a. Các công trình hạ tầng phụ trợ và công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm:

- Công vào: Bao gồm công chính hướng từ đường lộ T23 và công phụ hướng từ đường Cà Mau - U Minh;

- Bãi giữ xe ô tô, mô tô: Nằm tiếp giáp với 2 lối vào nghĩa trang;

- Khu vực quản lý nghĩa trang: Nằm ở vị trí công chính vào nghĩa trang;

- Công viên cây xanh - hồ bán nguyệt: Nằm trên trục đường cảnh quan chính của nghĩa trang, là điểm nhấn kiến trúc cảnh quan cho khu vực quy hoạch;

- Khu vực tâm linh: Bố trí trong từng khu vực chôn cất, đáp ứng yêu cầu của từng tôn giáo; phía sau, bố trí nhà vệ sinh công cộng;

- Nhà tang lễ số 01: Bố trí tại vị trí kết thúc trục đường cảnh quan chính của khu vực nghĩa trang, xung quanh bố trí các công viên cây xanh, đây là nơi tiến hành các nghi lễ trước khi thực hiện chôn cất hoặc là nơi tổ chức các lễ thăm viếng trong khu vực nghĩa trang.

- Nhà tang lễ số 02: Bố trí gần khu vực công phụ, nằm lân cận khu vực Nhà hóa thân và tháp lưu tro cốt.

- Nhà hóa thân (nhà hòa thiêu) - tháp lưu tro cốt: Bố trí gần công phụ, lân cận phía sau nhà tang lễ; đây là nơi tổ chức chôn cất theo phong tục hỏa thiêu và lưu trữ tro cốt đặt trong tháp;

- Hệ thống xử lý nước thải và thu gom chất thải rắn: Bố trí gần công phụ vào nghĩa trang, là nơi thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và tập trung chất thải rắn trước khi được xe chuyên dùng chở đến nơi xử lý.

- Hệ thống cây xanh, mặt nước.

b. Các khu vực chôn cất dự kiến bố trí 09 khu vực, gồm có:

Các khu chôn cất A, B, C, D, E, F, G, H, I.

6. Quy hoạch sử dụng đất

BẢNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

TT	Thành phần đất đai		Ký hiệu	Diện tích (ha)		Tỷ lệ (%)
A	Đất khu vực chôn cất			24,37		40,74
1	Khu chôn cất A	Khu chôn cất một lần A1	A1	2,20	2,57	
		Khu mộ cát táng A2	A2	0,37		
2	Khu chôn cất B	Khu chôn cất một lần B1	B1	2,62	3,05	
		Khu mộ cát táng B2	B2	0,43		
3	Khu chôn cất C	Khu chôn cất một lần C1	C1	2,37	2,80	
		Khu mộ cát táng C2	C2	0,43		
4	Khu chôn cất D	Khu chôn cất một lần D1	D1	2,43	2,69	
		Khu mộ cát táng D2	D2	0,26		
5	Khu chôn cất E	Khu mộ cát táng E1	E1	1,35	2,70	
		Khu mộ cát táng E2	E2	1,35		
6	Khu chôn cất F	Khu chôn cất một lần F1	F1	2,43	3,02	
		Khu mộ cát táng F2	F2	0,59		
7	Khu chôn cất G	Khu chôn cất một lần G1	G1	2,37	2,74	
		Khu mộ cát táng G2	G2	0,37		
8	Khu chôn cất H	Khu chôn cất một lần H1	H1	2,34	2,62	
		Khu mộ cát táng H2	H2	0,28		
9	Khu chôn cất I	Khu chôn cất một lần I1	I1	1,81	2,18	
		Khu mộ cát táng I2	I2	0,37		
B	Đất công trình phụ trợ			0,89		1,49
1	Khu vực quản lý nghĩa trang		01	0,03		
2	Kiosk dịch vụ		02	0,03		
3	Khu tâm linh		03	0,30		
4	Nhà tang lễ số 01		04a	0,24		
5	Nhà tang lễ số 02		04b	0,07		
6	Nhà hóa thân (Nhà thiêu)		05	0,10		
7	Tháp lưu trữ tro cốt		06	0,09		
8	Khu xử lý nước thải và chất thải rắn tập trung		07	0,03		

C	Đất cây xanh - Mặt nước		14,96	25,00
1	Công viên cây xanh	X1	6,09	
2	Cây xanh cách ly	X2	4,41	
3	Cây xanh trong khu chôn cất	X3	1,37	
4	Mặt nước		3,09	
D	Đất giao thông, bãi đỗ xe		19,60	32,77
	Tổng cộng		59,82	100,00

7. Quy định về chiều cao, mật độ xây dựng

* Đối với các công trình phụ trợ:

- Khuyến khích xây dựng hợp khối, phải tổ chức cây xanh và đường nội bộ thuận tiện ra vào công trình.

- Khu vực tập trung đông người có lối thoát hiểm thuận tiện, đảm bảo không gian lưu thông.

- Quy định cụ thể:

TT	Công trình phụ trợ	Diện tích (ha)	Mật độ XD tối đa (%)	Tầng cao tối đa	Hệ số sử dụng đất
1	Khu vực quản lý nghĩa trang	0,03	60	2	1,2
2	Ki ốt dịch vụ	0,03	60	1	0,6
3	Khu vực tâm linh	0,30	60	1	0,6
4	Nhà tang lễ số 01	0,24	60	2	1,2
5	Nhà tang lễ số 02	0,07	60	2	1,2
6	Nhà hóa thân (nhà hỏa thiêu)	0,10	60	1	0,6
7	Tháp lưu trữ tro cốt	0,09	60	5	3,0
8	Khu xử lý nước thải và chất thải rắn tập trung	0,03	60	1	0,6

* Đối với hoa viên cây xanh và bãi đỗ xe

- Tạo các yếu tố cảnh quan trong công viên như thảm cỏ, cây cảnh, cây bóng mát, lối đi dạo, chỗ nghỉ chân với các công trình nhỏ và đơn giản,... đảm bảo không làm ảnh hưởng đến không gian thoáng của nghĩa trang.

- Tổ chức sân bãi đỗ xe ô tô, mô tô, phục vụ các sự kiện quan trọng có đông người tập trung, hoặc vào các dịp lễ Tết, Thanh Minh.

- Quy định cụ thể:

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Mật độ XD (%)	Tầng cao tối đa	Hệ số sử dụng đất
1	Công viên cây xanh	6,09	7	1	0,07

2	Cây xanh cách ly	4,41	0	0	0,0
3	Cây xanh trong khu chôn cất	1,37	0	0	0,0

* Đối với các khu vực chôn cất

Tổng số mộ chôn cất trong khu vực nghĩa trang là 25.546 mộ bao gồm:

+ Mộ chôn cất một lần: 20.808 mộ (kích thước mộ: 2,4m x 1,4m x 0,8m).

+ Mộ cát táng: 4.738 mộ (kích thước mộ 1,5m x 1,0m x 0,8m).

*Quy định cụ thể:

TT	Khu vực chôn cất	Loại mộ		Diện tích (ha)	Mật độ chôn cất tối đa (%)
		Mộ chôn một lần	Mộ cát táng		
1	Khu chôn cất A	2.162	576	2,57	40
2	Khu chôn cất B	2.548	642	3,05	40
3	Khu chôn cất C	2.304	642	2,80	40
4	Khu chôn cất D	2.392	406	2,69	40
5	Khu chôn cất E	2.640	0	2,70	40
6	Khu chôn cất F	2.392	888	3,02	40
7	Khu chôn cất G	2.304	576	2,74	40
8	Khu chôn cất H	2.272	432	2,62	40
9	Khu chôn cất I	1.794	576	2,18	40
	Tổng cộng	20.808	4.738	24,37	

8. Các yêu cầu về kiến trúc cảnh quan

a. Các yêu cầu về kiến trúc

- Việc xây dựng các công trình trong khu vực nghĩa trang phải tuân theo các quy định về thiết kế điển hình.

- Cốt nền từng lô đất được quy định cụ thể theo bản vẽ quy hoạch chiều cao.

- Các công trình công cộng, phụ trợ trong quá trình thiết kế xây dựng cần quan tâm tới tổ chức tổng mặt bằng, hệ thống thoát nước.

b. Các yêu cầu về cảnh quan, môi trường

- Đường phố, vỉa hè được xây dựng đồng bộ về vật liệu, màu sắc, cao độ, đảm bảo thuận tiện, an toàn cho người đi bộ và người khuyết tật.

- Bảng chỉ dẫn phải thống nhất, đồng bộ về kích thước, kiểu dáng.

- Bố trí ghế ngồi dọc theo các lối đi trong hoa viên và những điểm cây xanh để thuận tiện cho việc nghỉ chân.

- Bố trí các thùng rác dọc theo các tuyến đường giao thông, những nơi công cộng tập trung đông người.

- Nhà vệ sinh công cộng: Được bố trí kết hợp với các công trình nhà quản lý điều hành nghĩa trang, nhà tang lễ, phía sau các khu vực tâm linh và phân bố trong các hoa viên cây xanh.

- Khu vực thu gom và tập trung chất thải rắn phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động của nghĩa trang.

c. Các yêu cầu về tường rào ngăn cách ranh giới giữa các không gian

- Các công trình phụ trợ có thể có hoặc không có hàng rào ngăn cách.

- Hàng rào có tính mỹ quan, hình thức kiến trúc thoáng và thống nhất theo quy định của từng khu vực, đồng thời phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Hàng rào xung quanh các công trình không được phép xây dựng vượt ngoài chỉ giới đường đỏ kể cả móng.

+ Các cụm mộ trong khu vực quy hoạch cho phép xây dựng hàng rào ước lệ hoặc hàng rào thoáng, trồng cây bụi cắt xén ngăn cách giữa các cụm công trình.

9. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

a. Giao thông

Tuân thủ theo đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau và hiện trạng các tuyến đường tiếp giáp khu vực quy hoạch bao gồm tuyến lộ nhựa T23 và tuyến đường Cà Mau - U Minh.

Hệ thống giao thông trong khu quy hoạch được chia làm 03 cấp thiết kế:

- Đường trục chính: Tuyến đường số 1 đóng vai trò là tuyến kết nối khu vực quy hoạch với bên ngoài.

- Đường nội bộ khu vực: Bao gồm các tuyến còn lại, có nhiệm vụ kết nối các công trình, các lô chôn cất mộ với đường trục chính.

- Đường đi bộ giữa các lô mộ: Bố trí xen kẽ trong khuôn viên các lô mộ có bề rộng lần lượt là 7m, 5m và 3,5m phục vụ cho việc thăm nom, chăm sóc mộ.

Bảng thống kê hệ thống giao thông

TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)			
			Lộ giới	Mặt đường	Via hè	Dải phân cách
Đường trục chính khu quy hoạch						
01	Đường số 01	447,9	50	8 x 2	14,5 x 2	5
	Đường số 01	56,6	74	54	10 x 2	
Đường nội bộ						
02	Đường số 02	862,6	20	8	6 x 2	

03	Đường số 03	636,0	25	13	6 x 2	
04	Đường số 04	844,6	20	8	6 x 2	
05	Đường số 05	569,9	20	8	6 x 2	
06	Đường số 06	314,2	40	10 x 2	7,5 x 2	5
07	Đường số 07	313,0	20	8	6 x 2	
08	Đường số 08	455,0	20	8	6 x 2	
09	Đường số 09	154,0	20	8	6 x 2	
10	Đường số 10	455,0	20	8	6 x 2	
11	Đường số 11	313,0	20	8	6 x 2	
	Tổng cộng	5.421,8				

b. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

*** San lấp nền**

- Cao độ san lấp nền hoàn thiện tại vị trí chỉ giới đường đỏ của các lô đất trong toàn khu vực quy hoạch là +1,57m hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu - Hải Phòng).

- Giải pháp san nền được lựa chọn là đắp cát đen hạt mịn từng lớp. Phương pháp san nền chủ yếu bám theo địa hình tự nhiên đã được bóc lớp đất hữu cơ trên bề mặt.

*** Hệ thống thoát nước mưa**

- Yêu cầu chung:

+ Phù hợp với quy hoạch dài hạn về phát triển hạ tầng kỹ thuật.

+ Giải quyết được cơ bản tình hình ngập úng của khu vực trong mùa mưa và tình hình ô nhiễm môi trường từ nước thải chảy ra hệ thống cống chung, giảm tối thiểu mức độ ô nhiễm do nước thải tới môi trường.

- Kênh đào giáp ranh vừa đóng vai trò cách ly khu vực quy hoạch với bên ngoài vừa là nguồn tiếp nhận thoát nước mặt cho khu vực quy hoạch.

- Khu quy hoạch có diện tích khá lớn do đó được chia nhỏ thành nhiều lưu vực thoát nước với các hướng thoát như sau:

+ Lưu vực 1: Từ đường số 4 hướng về đường số 6, nước mưa thu gom về tuyến cống chính trên đường số 4 và số 8 để thoát ra kênh đào giáp ranh.

+ Lưu vực 2: Từ đường số 4 hướng về đường số 3, nước mưa thu gom về tuyến cống chính trên đường số 3 để thoát ra kênh đào giáp ranh.

+ Lưu vực 3: Từ đường số 3 hướng về đường số 2, nước mưa thu gom về tuyến cống chính trên đường số 2 để thoát ra kinh đào giáp ranh.

+ Lưu vực 4: Từ đường số 2 hướng về đường T23, nước mưa thu gom về tuyến cống hợp trên đường số 1 để thoát về kênh T23.

c. Cấp nước

- Nguồn cấp nước: Từ mạng lưới cấp nước của khu vực Khánh An.

- Tổng nhu cầu dùng nước: 170 m³/ngày.đêm.

- Mạng lưới cấp nước: Quy hoạch theo sơ đồ mạch vòng. Đặt ngầm trên các vỉa hè cách chỉ giới đường đỏ 0,5÷1,0m, cách dải cây xanh bình quân 3,5m. Ống nhựa HDPE đường kính 60÷110 (mm). Trên các tuyến ống có bố trí các vòi tưới thấm cỏ, bồn hoa kết hợp với phục vụ rửa bia mộ và các vòi rửa bia mộ.

d. Cấp điện

- Dùng nguồn điện quốc gia qua trạm 110/22KV - 63MVA Cà Mau 2 theo đường dây 22KV trên tuyến đường dọc kênh T23.

- Các tuyến điện được đặt ngầm trên vỉa hè, đảm bảo an toàn.

- Đèn chiếu sáng công cộng tiết kiệm điện.

e. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Hệ thống thoát nước thải được quy hoạch riêng. Nước thải sinh hoạt từ các công trình được xử lý cục bộ thông qua hầm tự hoại trước khi thu gom về khu xử lý nội bộ của nghĩa trang để xử lý trước khi thoát ra ngoài.

- Đối với nước rỉ thấm từ các huyệt mộ: Xây dựng kim tĩnh bằng vật liệu có tính chống thấm, đáy kim tĩnh bằng bê tông cốt thép dày tối thiểu 150mm, thành bằng bê tông cốt thép dày 150mm hoặc xây gạch thẻ vữa mác cao dày tối thiểu 200mm.

- Chất thải rắn được thu gom đưa về khu xử lý nội bộ của nghĩa trang để phân loại trước khi được xe chuyên dùng chở đến bãi xử lý rác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng công bố nội dung quy hoạch đến nhân dân và các tổ chức có liên quan trên địa bàn được biết.

2. Tổ chức cắm mốc giới quy hoạch ra thực địa theo quy định hiện hành.

3. Sở Xây dựng phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau, Ủy ban nhân dân huyện U Minh và các cơ quan có liên quan tham mưu đầu tư xây dựng và quản lý nghĩa trang đúng theo quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh (VIC);
- Phòng: QH-XD (H05/01), KGVX, NN-TN, KT, TH (VIC);
- Lưu: VT, M.A66/1.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Lâm Văn Bi



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau
Email: ubndt@camau.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Cà Mau
Ngày ký: 03.01.2020 13:45:07 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2357/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng cơ sở
hóa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2014;

Căn cứ Luật Môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Công văn số 9856/VPCP-KTTH ngày 30/10/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương xây dựng cơ sở hóa táng của đồng bào Khmer khu vực Tây Nam Bộ giai đoạn 2019 - 2023;

Căn cứ Công văn số 5606/BTNMT-KHTC ngày 30/10/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc mức hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở hóa táng của đồng bào Khmer khu vực Tây Nam Bộ;

Căn cứ Công văn số 6235/BTNMT-KHTC ngày 25/11/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tổ chức thực hiện, xây dựng, đề xuất dự án, nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường giai đoạn 2020 - 2022;

Căn cứ Công văn số 9133/UBND-XD ngày 06/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lập thủ tục đầu tư dự án Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hóa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 9553/UBND-NNTN ngày 23/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường Trung ương giai đoạn 2020 - 2022;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4040/BC-SKHĐT ngày 30/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng tỉnh.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tư vấn thiết kế và Đầu tư xây dựng Bộ Quốc phòng.

5. Chủ nhiệm lập dự án: Tăng Văn Đồng.

6. Nhóm dự án, loại, cấp: Dự án nhóm B; công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp II.

7. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Xây dựng đồng bộ nhà hỏa táng cùng trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật đi kèm nhằm đảm bảo khuyến khích hình thức mai táng văn minh, phù hợp với truyền thống đồng bào dân tộc Khmer cũng như các dân tộc khác, đảm bảo sức khỏe và môi trường sống cho người dân xung quanh.

- Đảm bảo tính kết nối hạ tầng chung khu vực, phù hợp quy hoạch địa phương.

- Xây dựng cơ chế thí điểm phục vụ việc mở rộng trên quy mô toàn tỉnh.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Nhà hỏa táng: Diện tích xây dựng 850,0m².

- Nhà trạm kỹ thuật: Diện tích xây dựng 88,0m².

- Cổng: Dài 6,0m.

- Sân, đường: Đường BTCT diện tích 2.712,0m²; sân lát gạch diện tích 160,0m².

- Khu đặt bồn ga công nghiệp: Diện tích xây dựng 50,0m².

- Ống thoát khối: Diện tích xây dựng 16,0m².

- Bể nước + bể lọc, giếng khoan: Diện tích xây dựng 60,0m²; giếng khoan 01 giếng.

- Hệ thống điện chiếu sáng: 01 hệ thống.

- San lấp mặt bằng: 5.750m².

- Hồ xử lý nước thải: 10m³.

- Thiết bị: Lò hỏa táng, bồn nhiên liệu ga, xe chuyên dụng, thiết bị văn phòng, thiết bị xây dựng và các thiết bị khác.

10. Diện tích sử dụng đất: 5.750,0m².

11. Tổng mức đầu tư: 45 000 000 000 đồng. Trong đó:

Số TT	Khoản mục chi phí	Giá trị dự toán thẩm định (đồng)
1	Chi phí xây dựng sau thuế	20 865 191 257
2	Chi phí thiết bị	16 368 000 000
3	Chi phí quản lý dự án	730 008 841
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2 423 351 598
5	Chi phí khác	475 965 876
6	Chi phí dự phòng	4 137 482 428
Tổng giá trị dự toán (làm tròn)		45 000 000 000

12. Phương án xây dựng: Theo nội dung thiết kế cơ sở của dự án.

13. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Theo hồ sơ dự án.

14. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Theo quy định hiện hành.

15. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước (nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường Trung ương).

16. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng tỉnh tổ chức quản lý và điều hành dự án.

17. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2023.

Điều 2. Căn cứ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư được phê duyệt, Chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ đầu tư; Thủ trưởng các sở, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban QLDA công trình Xây dựng tỉnh (trực tiếp gửi hồ sơ, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường);
- Các Sở: KH&ĐT, TC, YT, LĐ-TB&XH, VH, TT&DL, TN&MT, KH&CN (VIC);
- UBND thành phố Cà Mau (VIC);
- UBND huyện U Minh (VIC);
- CVP Nguyễn Đức Thánh (VIC);
- Phòng QH-XD (H102/12), KT, TH (VIC);
- Lưu: VT, M.A80/12.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau
Cơ quan: Tỉnh Cà Mau
Ngày ký: 19.04.2021 09:32:55 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 752 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 16 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (Cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường) tại Công văn số 535/STNMT-BVMT ngày 15/3/2021 về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau gửi kèm Công văn số 143/BCTXD-DA2 ngày 29/3/2021 của Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 160/TTr-STNMT ngày 12/4/2021 và ý kiến của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 173/SKH-CN-QLCN ngày 16/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng tỉnh Cà Mau (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

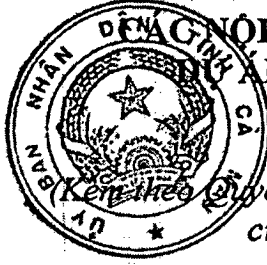
Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện U Minh;
- UBND xã Khánh An;
- Ban QLDA công trình Xây dựng tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm GQTHC tỉnh;
- Phòng NN-TN;
- Lưu: VT, T18, Ktr166/4.



Lê Văn Sử



Phụ lục

NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG AN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HỎA TÁNG CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

*Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

1. Thông tin về dự án

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án công trình xây dựng tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ liên hệ: Số 04, đường Tạ An Khương, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện: Ông Trần Lĩnh Trang, Giám đốc.

- Vị trí thực hiện Dự án: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Diện tích thực hiện Dự án: 2,37 ha.

- Quy mô, công suất Dự án: Tổng số 02 lò hỏa táng, nhãn hiệu lò: Crawford (USA), công suất xử lý của mỗi lò: 4 ca/lò/ngày, tính cho ngày làm 8 giờ, thời gian đốt trung bình 2 giờ/ca.

- Loại hình Dự án: Xây dựng cơ sở hỏa táng.

- Các hạng mục, công trình của Dự án:

+ Hạng mục, công trình chính: Nhà hỏa táng, đường dẫn (đường đầu nối), cầu qua kênh.

+ Hạng mục, công trình phụ trợ: Nhà trạm kỹ thuật, bãi để xe, bể chứa nước, khu đặt bồn gas công nghiệp, công, hàng rào, sân, đường nội bộ, hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà, hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét.

+ Hạng mục, công trình bảo vệ môi trường: Cây xanh, hệ thống thoát nước mưa, nước thải, khu nhà vệ sinh, trạm xử lý nước thải tập trung, nhà lưu tro cốt, hệ thống mương kỹ thuật xử lý khí thải, ống thoát khí thải, khu tập kết chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

* Giai đoạn triển khai xây dựng:

- Nước thải từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên; nước thải xây dựng từ quá trình rửa vật liệu, rửa thiết bị dụng cụ thi công và nước mưa chảy tràn trên bề mặt công trình.

- Bụi, khí thải từ quá trình phát quang; từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển vật liệu thi công; từ máy móc, thiết bị thi công; từ các bãi tập kết vật liệu.



Chất thải rắn thông thường từ quá trình phát quang, xây dựng công trình và sinh hoạt của cán bộ, công nhân.

Chất thải nguy hại từ quá trình bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị thi công, hoạt động hàn gia công sắt thép và từ quá trình hoàn thiện công trình.

Tiếng ồn từ hoạt động của các phương tiện giao thông, thiết bị thi công.

*** Giai đoạn vận hành:**

- Nước thải từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại cơ sở hỏa táng và thân nhân đưa quan tài đi hỏa táng; nước thải hỏa táng phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò hỏa táng, nước vệ sinh các dụng cụ, trang thiết bị hỗ trợ cho quá trình hỏa táng; nước mưa chảy tràn trên mái nhà, mặt bằng sân, đường nội bộ...

- Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện giao thông vận chuyển; khí thải, bụi, tro bay từ hoạt động hỏa táng; mùi hôi từ quá trình hỏa táng, từ khu vực lưu giữ chất thải rắn sau hỏa táng; khí thải từ máy phát điện dự phòng.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ sinh hoạt hàng ngày của cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở hỏa táng và thân nhân người đưa quan tài hỏa táng và chất thải rắn phát sinh từ hoạt động hỏa táng.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình vận hành cơ sở hỏa táng.

- Tiếng ồn khu vực phát sinh từ phương tiện giao thông, thực hiện lễ nghi khi hỏa táng, vận hành hệ thống hỏa táng.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

*** Giai đoạn triển khai xây dựng:**

- Nước thải sinh hoạt: Khoảng 1,6 m³/ngày đêm, thành phần ô nhiễm chính bao gồm TSS, chất hữu cơ, dầu mỡ, Nitơ, Phốt pho và Coliform...

- Nước thải xây dựng: Khoảng 0,2 - 0,5 m³/ngày đêm, chủ yếu chứa đất, cát xây dựng, vữa xi măng...

- Nước mưa chảy tràn: Chủ yếu chứa cặn lơ lửng, chất hữu cơ trên bề mặt công trường.

*** Giai đoạn vận hành:**

- Nước thải sinh hoạt: Khoảng 1,3 m³/ngày đêm, thành phần ô nhiễm chủ yếu là TSS, chất hữu cơ, dầu mỡ, Nitơ, Phốt pho và Coliform...

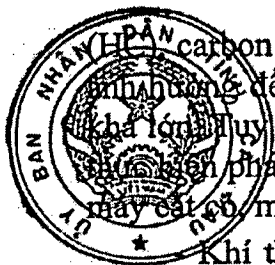
- Nước thải hỏa táng: Khối lượng phát sinh khoảng 06 m³/ngày, thành phần ô nhiễm chủ yếu chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Nitơ, tổng Phốtpho, dầu mỡ, Coliform...

- Nước mưa chảy tràn: Chủ yếu chứa chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, rác thải trên bề mặt khu vực Dự án.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

*** Giai đoạn triển khai xây dựng:**

- Bụi, khí thải từ hoạt động phát quang: Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, hoạt động phát quang, chặt hạ cây cối có sử dụng máy cắt cỏ, máy cưa cầm tay. Quá trình đốt nhiên liệu (xăng) của hệ thống máy không hoàn toàn hoặc động cơ hoạt động không bình thường, khí thải sẽ chứa các thành phần như hydrocarbon



carbon monoxide (CO) và nitơ oxit (NO_x). Lượng khí thải này chủ yếu gây ảnh hưởng đến công nhân thực hiện phát quang. Khối lượng thực vật phát quang khá lớn, tuy nhiên xung quanh khu vực phát quang ít dân cư sinh sống; thời gian phát quang ngắn (khoảng 15 - 20 ngày) nên tác động của bụi, khí thải từ máy cắt cỏ, máy cưa cầm tay được đánh giá là nhỏ, không đáng kể.

Khí thải của phương tiện vận chuyển chất thải phát quang, từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công: Trong quá trình hoạt động, nhiên liệu bị đốt cháy sẽ thải ra môi trường lượng khói thải khá lớn chứa các chất ô nhiễm không khí như bụi, CO, SO_x, NO_x,... Các phương tiện hoạt động độc lập, không đi thành đoàn, như vậy tải lượng cực đại các khí thải gây ô nhiễm không khí của các phương tiện vận chuyển chất thải phát quang là không lớn.

- Bụi từ các bãi tập kết vật liệu: Phát sinh cục bộ, chỉ diễn ra trong thời gian thi công.

*** Giai đoạn vận hành:**

- Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện giao thông: Hoạt động của các phương tiện ra vào cơ sở hỏa táng làm phát sinh một lượng khí thải gây ô nhiễm môi trường.

- Khí thải từ hoạt động hỏa táng, trong đó bao gồm:

+ Khí thải từ quá trình thực hiện nghi lễ: Khí thải phát sinh trong hoạt động nghi lễ hỏa táng chủ yếu là từ việc đốt nhang, vàng mã của người dự nghi lễ. Quá trình này sẽ làm phát sinh P₂O₅, khi tác động lên da ở liều lượng đủ lớn sẽ làm da bị tổn thương; tác động lên hệ hô hấp gây khó thở; tác động lên giác mạc gây ngứa mắt... Tuy nhiên, tác động này chỉ diễn ra trong thời gian đầu khi tổ chức nghi lễ nên lượng khí thải phát sinh mang tính gián đoạn, không đáng kể.

+ Khí thải, bụi, tro bay từ quá trình hỏa táng: Phát sinh từ quá trình đốt thi thể người chết; từ các vật dụng mai táng và áo quan. Trong giai đoạn thiêu hủy xác và các vật dụng mai táng cùng người chết (mùng, mền, quần áo, giày dép, tấm ướp trong quá trình tẩm liệm,...) thì hỗn hợp những vật được đốt cháy, trong quá trình cháy kết hợp với một số phản ứng hóa học có thể xảy ra trong lò đốt và các phản ứng khác từ bên ngoài có khả năng sản sinh ra một số loại khí như: Hydrocacbon, đioxin/furan (phần lớn phụ thuộc vào chất liệu đem đốt, thời gian đốt và nhiệt độ của lò)... ảnh hưởng nhất định đến sức khỏe con người, môi trường sống, khả năng phát tán rộng.

+ Mùi hôi từ quá trình hỏa táng: Nhiệt độ trong buồng đốt của lò hỏa táng được giữ trong khoảng 800 - 1.250 °C. Tuy nhiên vẫn có khả năng gây mùi hôi khi nhiệt độ lò đốt không đạt yêu cầu, có trục trặc kỹ thuật.

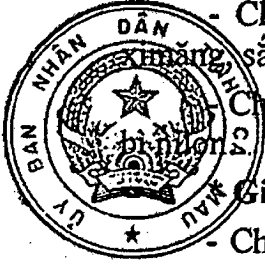
+ Mùi hôi từ khu vực lưu giữ chất thải rắn sau hỏa táng: Chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, chờ tro đốt, tro cốt nguội sẽ được thu gom nên lượng phát sinh mùi hôi không đáng kể.

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Phát sinh khi ngắt điện hoạt động trong trường hợp lưới điện quốc gia bị ngắt, nguồn thải không thường xuyên, mức độ tác động đến môi trường không đáng kể.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

*** Giai đoạn triển khai xây dựng:**

- Chất thải từ hoạt động phát quang: Khoảng 876,5 tấn, chủ yếu là thân trầm, cỏ, cây bụi, cành, rễ, lá...



- Chất thải xây dựng: Khoảng 9.222 kg/ngày, chủ yếu là gạch vụn, bao sắt, thép vụn, cốppha hỏng, bê tông thừa, đất đào khi thi công hố móng...

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khoảng 06 kg/ngày, chủ yếu là thủy tinh, giấy, bao

Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khoảng 25,5 kg/ngày, chủ yếu là vỏ đồ hộp, vỏ lon, bao bì, chai nhựa, thức ăn thừa...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động hỏa táng:

+ Chất thải rắn từ quá trình thực hiện nghi lễ: Khoảng 24 kg/ngày, chủ yếu là tàn nhang, vàng mã...

+ Chất thải rắn từ quá trình hỏa táng: Khoảng 24 kg/ngày, chủ yếu là tro cốt, tro đốt của gỗ quan tài và vật dụng kèm theo khi hỏa táng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

*** Giai đoạn triển khai xây dựng:**

Khoảng 45 kg (trong suốt quá trình triển khai xây dựng), bao gồm bóng đèn huỳnh quang, thiết bị hư hỏng có dính dầu mỡ, bình acquy, thùng phuy đựng nhiên liệu thải bỏ, que hàn thải, hộp sơn và cọ sơn đã sử dụng, các loại dung môi hữu cơ...

*** Giai đoạn vận hành:**

Khoảng 3,5 kg/tháng, chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu, pin, ắc quy thải, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, dầu nhiên liệu và dầu nhớt diesel thải, chất thải rắn được phân định là chất thải nguy hại (nếu có)...

2.6. Quy mô, tính chất của tiếng ồn

*** Giai đoạn triển khai xây dựng:**

Chủ yếu là do hoạt động của xe tải, máy ủi, máy đóng cọc, máy trộn bê tông... Tiếng ồn giai đoạn này diễn ra trong thời gian thi công nên lượng phát sinh cục bộ.

*** Giai đoạn vận hành:**

Chủ yếu do hoạt động của máy phát điện dự phòng, các phương tiện (xe mô tô, xe vận chuyển quan tài hỏa táng...) ra vào cơ sở hỏa táng, tiếng ồn từ việc hành lễ và tiếng tụng kinh, gõ mõ... Ảnh hưởng của hoạt động này chỉ ở mức thấp, phát sinh trong thời gian ngắn, không đáng kể.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

*** Giai đoạn triển khai xây dựng:**

- Nước thải sinh hoạt: Thu gom → bể tự hoại 3 ngăn → đầu nối vào hệ thống thoát nước của Nghĩa trang tỉnh Cà Mau.

- Nước thải xây dựng: Thu gom → hố lắng → nguồn nước được tái sử dụng để tưới mặt đường.

- Nước mưa chảy tràn: Lắp đặt hệ thống ống thoát nước mưa tạm thời, khơi thông dòng chảy theo địa hình tự nhiên nhằm không chế tình trạng ứ đọng, ngập úng, sinh lây...



Giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải hóa táng: Thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

* Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải → bể thu gom → bể điều hòa → bể sinh học kỵ khí → bể sinh học tiếp xúc hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp → đầu nối vào hệ thống thoát nước của Nghĩa trang tỉnh Cà Mau.

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được thiết kế kín và tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Nước mưa chảy tràn → ống thu nước mưa → hố ga → ống dẫn thoát nước mưa → đầu nối vào hệ thống thoát nước của Nghĩa trang tỉnh Cà Mau.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

*** Giai đoạn triển khai xây dựng:**

- Bụi, khí thải từ hoạt động phát quang: Sử dụng thiết bị máy cắt cỏ, máy cắt gỗ hiện đại (có trang bị ống xả, giảm thanh cho máy). Thường xuyên thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; trang bị bảo hộ lao động (khẩu trang, mũ...) cho công nhân.

- Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện giao thông vận chuyển vật liệu thi công: Phương tiện vận chuyển phải chở đúng tải trọng quy định; bảo dưỡng định kỳ phương tiện; các phương tiện vận chuyển phải có bạt phủ kín.

- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công: Bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị thi công; bố trí khu vực hàn, cắt kim loại ở khu vực ít người qua lại và cuối hướng gió; trang bị mặt nạ, kính hàn, găng tay, khẩu trang cho công nhân.

- Bụi từ các bãi tập kết vật liệu: Các bãi tập kết vật liệu xây dựng phải được che chắn; bố trí bãi tập kết vật liệu xây dựng ở khu vực phù hợp và ở cuối hướng gió.

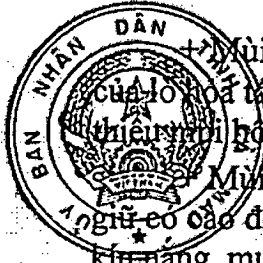
*** Giai đoạn vận hành:**

- Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện giao thông: Phương tiện vận chuyển quan tài phải được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và thực hiện kiểm định theo đúng quy định; xe chở đúng tải trọng quy định; quy định khu vực đậu riêng cho từng loại xe; tắt động cơ xe khi đã dừng, đỗ đúng nơi quy định; trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án để tạo cảnh quan - sạch - đẹp, giúp điều hòa không khí, giảm phát thải bụi, khí thải khu vực Dự án.

- Khí thải, bụi, mùi hôi từ hoạt động hỏa táng:

+ Khí thải từ quá trình thực hiện nghi lễ: Lắp đặt các quạt thông gió/quạt hút để điều hòa không khí khu vực phòng hành lễ; dập tắt nhang và mang ra khỏi phòng hành lễ để hạn chế phát sinh mùi, khói trong khu vực này.

+ Khí thải, bụi, tro bay từ quá trình hỏa táng: Khí thải, bụi, tro bay từ lò hỏa táng → Hệ thống mương kỹ thuật xử lý khí thải → Ống khói thải cao 20 m → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 02:2012/BTNMT (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế → Thải ra ngoài môi trường.



Mùi hôi từ quá trình hỏa táng: Đảm bảo vận hành đúng thông số kỹ thuật của lò hỏa táng. Trường hợp nếu phát sinh mùi hôi sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi hôi khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

Mùi hôi từ khu vực lưu giữ chất thải rắn sau hỏa táng: Bố trí khu vực lưu giữ có rào chắn độ nền bảo đảm không bị ngập úng; toàn bộ khu vực lưu giữ có mái che kín nắng, mưa.

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Lắp đặt ống khói thải có chiều cao 4 - 6 m tính từ mái nhà chứa máy phát điện nhằm giảm phát thải bụi, khí thải trong khu vực; định kỳ bảo dưỡng máy phát điện với tần suất 06 tháng/lần.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Xây dựng đầy đủ công trình lưu trữ ở vị trí phù hợp trong khuôn viên Dự án; đảm bảo yêu cầu về quy mô lưu trữ, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh; tổ chức thu gom triệt để chất thải phát sinh, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Phân loại, thu gom, xử lý toàn bộ chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sau hỏa táng. Áp dụng đầy đủ các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thi công, đổ thải, đáp ứng các yêu cầu tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và các quy định khác về an toàn, bảo vệ môi trường và Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại và lưu giữ ở vị trí phù hợp theo quy định; xây dựng và quản lý kho chứa chất thải nguy hại tại khu vực phù hợp; phối hợp với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và các quy định khác về an toàn, bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp giảm tiếng ồn

- Giai đoạn triển khai xây dựng: Lắp dựng hàng rào tạm bao quanh diện tích khu vực thi công hạn chế khả năng lan truyền tiếng ồn, rung ra bên ngoài (chiều cao hàng rào tối thiểu 2,5 m); tổ chức thời gian làm việc hợp lý; thực hiện bảo dưỡng máy, thiết bị định kỳ...

- Giai đoạn vận hành: Ban hành nội quy tại cơ sở về vị trí đỗ xe, vận tốc xe khi ra vào dự án, nội quy cho thân nhân khi vào cơ sở. Bố trí khu vực để máy phát điện riêng biệt. Kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện định kỳ để đảm bảo máy hoạt động tốt, hạn chế gây tiếng ồn.



3.6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

Thực hiện thu gom và thoát nước mưa theo đúng quy định hiện hành; giảm động tiêu cực đến sinh kế của cộng đồng khu vực Dự án và lân cận.

Tuân thủ đầy đủ quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 khi triển khai vận hành Dự án. Giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường, đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng cho cán bộ, công nhân viên, người lao động làm việc cho Dự án; quy định trách nhiệm của các nhà thầu thực hiện quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học trong quá trình thi công; phục hồi cảnh quan môi trường khu vực thi công trước khi kết thúc thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng đầy đủ, triệt để các biện pháp phòng chống cháy rừng suốt thời gian vận hành Dự án. Lập, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố, rủi ro môi trường, ứng phó sự cố chất thải, sự cố tràn dầu, sự cố thiên tai, sự cố y tế trong triển khai xây dựng và vận hành Dự án, bảo đảm ứng phó kịp thời các sự cố xảy ra; phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động và các quy định khác có liên quan đến Dự án.

- Thông tin rộng rãi, kịp thời cho chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư nơi triển khai Dự án biết về các hoạt động thi công và vận hành của Chủ dự án, các vấn đề môi trường phát sinh từ Dự án.

- Bố trí đầy đủ, đảm bảo yêu cầu nhà tiêu hợp vệ sinh, đảm bảo nguồn nước vệ sinh cá nhân. Bố trí đầy đủ các khu vực nghỉ, chờ cho thân nhân không để tình trạng mất trật tự trong khuôn viên. Bố trí đầy đủ dụng cụ, phương tiện thu gom rác.

- Thực hiện đầy đủ yêu cầu của cơ quan chức năng về việc bổ sung công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án nêu các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường chưa xử lý ô nhiễm triệt để.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- Bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt.
- Công trình xử lý nước thải tập trung công suất xử lý 10 m³/ngày đêm.
- Hệ thống mương kỹ thuật xử lý khí thải + ống thoát khói thải cao 20 m.
- Thùng chứa, kho, bãi tập kết chất thải rắn (chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

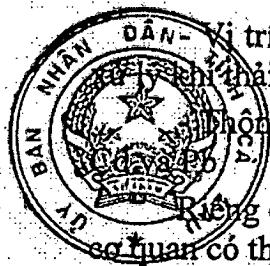
* Giám sát chất thải rắn

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: Tại điểm tập kết chất thải rắn.
- Giám sát khối lượng và thành phần của các loại chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp thông thường, nguy hại).

5.2. Giai đoạn vận hành

* Giám sát khí thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.



Vị trí giám sát: (01) vị trí tại lỗ khoan trên ống xả khí thải đã qua hệ thống xử lý nước thải lò hòa táng.

Thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi tổng, CO, SO₂, NO_x, HCl, Hg.

Riêng đối với thông số dioxin/furan, chỉ lấy mẫu giám sát khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2012/BTNMT (cột A).

*** Giám sát nước thải:**

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: (02) vị trí, tại điểm đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số giám sát: Lưu lượng thải, pH, chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng Nitơ, tổng Phốtpho, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B).

*** Giám sát chất thải rắn:**

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm tập kết chất thải rắn.

- Giám sát khối lượng và thành phần của các loại chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp thông thường, nguy hại). Thực hiện phân định chất thải nguy hại đối với tro đốt, bụi, cốt thu gom sau hòa táng (01 lần khi mới hoạt động và khi có yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Phối hợp với cơ quan Nhà nước, chính quyền địa phương và đơn vị chức năng trong công tác phòng và chống ứng phó sự cố trong quá trình thi công xây dựng, vận hành của Dự án. Khi phát hiện sự cố bất thường, phải dừng ngay việc thi công xây dựng, vận hành và báo cáo cơ quan chức năng để kịp thời kiểm tra, xử lý đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án. Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học cho cán bộ và công nhân khi thi công xây dựng.

- Bàn giao trách nhiệm rõ ràng cho đơn vị vận hành Dự án sau khi Ban Quản lý dự án công trình xây dựng tỉnh Cà Mau hoàn tất xây dựng (bao gồm trách nhiệm quản lý hồ sơ, thủ tục môi trường, trách nhiệm vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải, xử lý khí thải, mùi hôi, chế độ báo cáo, trách nhiệm phòng chống sự cố môi trường, an toàn dịch bệnh...) để Dự án vận hành hiệu quả, an toàn, đảm bảo các điều kiện, yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Khi hệ thống xử lý nước thải, biện pháp giảm thiểu tác động của mùi hôi, khí thải, chưa đạt yêu cầu dù đã áp dụng các biện pháp, công trình xử lý nêu trên, chủ dự án phải bổ sung các công trình, biện pháp xử lý theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý, giám sát môi trường, thực hiện đúng, đầy đủ chế độ báo cáo như đã nêu trong Quyết định này./.



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau

Cơ quan: Tỉnh Cà Mau

Ngày ký: 06.09.2021 14:54:27 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1730 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 06 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hỏa táng
cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường còn lại của ngân sách Trung ương năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX, Kỳ họp thứ 11 về việc giao quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý;

Căn cứ Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân khai nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu (sự nghiệp bảo vệ môi trường) năm 2020;

Căn cứ Công văn số 117/UBND-XD ngày 13/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phối hợp triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 98-CV/BCSD ngày 28/6/2021 của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc rà soát, điều chỉnh quy mô xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau; ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 76-TB/TU ngày 16/8/2021 về Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2390/TTr-SXD ngày 27/8/2021; ý kiến đề xuất của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 298/BC-SKHĐT ngày 31/8/2021 và tổng hợp ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 1377/VP-XD ngày 30/3/2021 của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau; với các nội dung cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đầu tư:

Khuyến khích áp dụng hình thức mai táng văn minh, phù hợp với truyền thống đồng bào dân tộc Khmer và các dân tộc, đảm bảo sức khỏe và môi trường sống cho người dân xung quanh.

2. Chủ đầu tư: Ban QLDA công trình Xây dựng tỉnh.

3. Quy mô đầu tư:

- San lấp mặt bằng;
- Công, hàng rào;
- Nhà hỏa táng;
- Nhà trạm kỹ thuật;
- Khu đặt bồn ga công nghiệp;
- Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà;
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét;
- Sân, đường giao thông nội bộ; hệ thống mương, cấp thoát nước, bể nước + bể lọc; 01 giếng khoan;
- Cây xanh, thảm cỏ;
- Chống mối;
- Cầu qua kênh;
- Trồng rừng thay thế;
- Chuyển mục đích sử dụng rừng;
- Thiết bị: Lò hỏa táng (01 lò), bồn nhiên liệu ga, xe ô tô chuyên dụng, thiết bị văn phòng, hệ thống xử lý nước thải và các trang thiết bị khác;
- Bồi thường, giải phóng mặt bằng.

4. Nhóm dự án: Nhóm B.

5. Tổng mức đầu tư: 48.559.000.000 đồng.

6. Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và ngân sách tỉnh.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện**1. Chủ đầu tư:**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự án đầu tư xây dựng, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

2. Sở Xây dựng:

Chịu trách nhiệm toàn diện về các thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, cũng như tiếp thu, giải trình ý kiến của các sở, ngành có liên quan, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của dự án.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí đủ vốn đảm bảo triển khai hoàn thành đúng tiến độ dự án được phê duyệt.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện về trình tự, thủ tục; kết quả thẩm định và những kiến nghị liên quan đến Báo cáo đề xuất chủ trương dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ đầu tư; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ngành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Ban Cán sự đảng UBND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các Ủy viên UBND tỉnh (iO);
- Ban QLDA công trình Xây dựng tỉnh (3b);
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Phòng QH-XD (H34/9), KGVX, NN-TN, TH;
- Lưu: VT, Ktr456/9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau
Email: ubndt@camau.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Cà Mau
Ngày ký: 06.12.2019 17:03:04 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9133 /UBND-XD

Cà Mau, ngày 06 tháng 12 năm 2019

V/v lập thủ tục đầu tư Dự án
đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng
cho đồng bào dân tộc Khmer
trên địa bàn tỉnh Cà Mau

HÒA TỐC

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban QLDA công trình Xây dựng tỉnh.

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 565/TTr-STNMT ngày 29/11/2019 về việc giao đơn vị lập thủ tục đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:**

Đồng ý chủ trương giao Ban QLDA công trình Xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Đề nghị chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án, kịp thời liên hệ, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12/2019.

Đề nghị các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường rút ngắn tối đa thời gian thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt đối với dự án nêu trên để hỗ trợ chủ đầu tư hoàn thành nhiệm vụ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính (VIC);
- CVP Nguyễn Đức Thánh (VIC);
- Phòng: QH-XD (H03/12, VIC);
- Phòng: KT, NN-TN, TH (VIC);
- Lưu: VT, M.A38/12.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ XÂY DỰNG
Số: 373 /BC-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cà Mau, ngày 22 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng
cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
(Kèm theo Tờ trình số: 374/TTr-SXD ngày 22 tháng 02 năm 2021)

Kính gửi:

- UBND tỉnh Cà Mau;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về
quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ về
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 117/UBND-XD ngày 13/01/2021 của Chủ tịch
UBND tỉnh Cà Mau về việc phối hợp triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây
dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 2783/SXD-QHĐT&HTKT ngày 07/9/2020 của Sở
Xây dựng Cà Mau về việc cung cấp thông tin quy hoạch vị trí đầu tư xây dựng
cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau trình UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư phê
duyet Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hỏa táng cho
đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau, với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA DỰ ÁN:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc
Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
2. Dự án nhóm: Nhóm B.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà
Mau (Theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân
dân tỉnh Cà Mau về việc giao quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án
nhóm B, nhóm C thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý).

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.
5. Tên chủ đầu tư: Ban QLDA công trình Xây dựng tỉnh Cà Mau.
6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 69.379.000.000 đồng.
8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Trung ương bổ sung có mục tiêu (sự nghiệp bảo vệ môi trường) năm 2020 và Ngân sách tỉnh.
9. Thời gian thực hiện: 2019 - 2023.
10. Hình thức đầu tư của dự án: Xây dựng mới.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN:

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

1.1. Sự cần thiết đầu tư:

- Cùng với sự phát triển về kinh tế, diện tích đất dành cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ du lịch ngày càng mở rộng nên đất sử dụng cho việc chôn cất người chết ngày càng thu hẹp, sự biến động về giá đất cũng là nguyên nhân tác động đến nhân thức, gia tăng nhu cầu hỏa táng trên địa bàn cả nước nói chung và địa bàn các tỉnh có đông đảo dân tộc Khmer sinh sống nói riêng.

- Hình thức hỏa táng của người Khmer được nhìn nhận là một trong những phong tục truyền thống văn hóa văn minh nên duy trì và phát huy trong xã hội hiện nay. Hỏa táng cũng mang lại những lợi ích thiết thực cho xã hội, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc, giữ gìn tài nguyên đất phục vụ cho cuộc sống, phù hợp với sự phát triển của xã hội văn minh.

- Việc sử dụng các lò hỏa táng cũ đã gây ra những tác động không nhỏ đối với sức khỏe của người thực hiện công việc hỏa táng, người tham gia và môi trường sống xung quanh khu vực hỏa táng, tiềm ẩn nguy cơ truyền nhiễm bệnh tật nguy hiểm cho xã hội.

- Việc xây dựng cơ sở hỏa táng khang trang, hiện đại, thân thiện với môi trường đang là nhu cầu cấp thiết của đông đảo Khmer, không chỉ giúp những gia đình Khmer có người thân mất mai táng mau lẹ, thuận tiện mà còn giúp những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, không có đất để thổ táng, giúp gia đình có người mất vừa được an táng theo nghi lễ truyền thống, đảm bảo văn minh và phù hợp với đời sống hiện đại.

1.2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:

Căn cứ Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường còn lại của ngân sách Trung ương năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đông đảo dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 9133/UBND-XD ngày 06/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc lập thủ tục đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phân khai nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu (sự nghiệp bảo vệ môi trường) năm 2020;

Căn cứ Công văn số 117/UBND-XD ngày 13/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phối hợp triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 2783/SXD-QHĐT&HTKT ngày 07/9/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau về việc cung cấp thông tin quy hoạch vị trí đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 967/TB-STC ngày 07/12/2020 của Sở Tài chính tỉnh Cà Mau về việc kinh phí xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer Ban QLDA công trình xây dựng tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 01/02/2021 giữa Sở Xây dựng và Ban QLDA công trình xây dựng tỉnh Cà Mau về việc xác định quy mô Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

1.3. Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

- Việc đầu tư xây dựng Cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau phù hợp theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang tỉnh Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỷ lệ 1/500 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 (Công văn số 2783/SXD-QHĐT&HTKT ngày 07/9/2020 của Sở Xây dựng Cà Mau về việc cung cấp thông tin quy hoạch vị trí đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau).

- Việc đầu tư xây dựng Cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau phù hợp theo kế hoạch đầu tư từ Trung ương đến địa phương, đáp ứng được nhu cầu thực tế của nhân dân địa phương, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau; thời gian thực hiện 2019 - 2023.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư điều chỉnh:

2.1. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng đồng bộ nhà hòa táng cùng trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật đi kèm nhằm đảm bảo khuyến khích hình thức mai táng văn minh, phù hợp với truyền thống đồng bào dân tộc Khmer cũng như các dân tộc khác, đảm bảo sức khỏe và môi trường sống cho người dân xung quanh.

- Đảm bảo tính kết nối hạ tầng chung khu vực, phù hợp quy hoạch địa phương.

- Xây dựng cơ chế thi điểm phục vụ việc mở rộng trên quy mô toàn tỉnh.

2.2. Quy mô đầu tư:

2.2.1. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp II.

2.2.2. Cơ sở xác định quy mô đầu tư:

- Quy chuẩn Việt Nam: QCVN.01:2019/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Quy chuẩn Việt Nam: QCVN 07: 2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu hoạt động thực tế.

2.2.3. Nội dung đầu tư: Khu đất được cấp có diện tích 23.700 m², được đầu tư các hạng mục:

- San lấp mặt bằng;
- Công, hàng rào: Dài 250,0m;
- Nhà hỏa táng: Diện tích xây dựng 850,0m²;
- Nhà trạm kỹ thuật: Diện tích xây dựng 84,0m²;
- Khu đặt bồn ga công nghiệp: Diện tích xây dựng 50,0m²;
- Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà: 01 hệ thống;
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét: 01 hệ thống;
- Sân, đường giao thông nội bộ (tải trọng thiết kế 5,5 tấn), hệ thống mương, cấp thoát nước: 01 hệ thống, 01 bể nước + 01 bể lọc; 01 giếng khoan;
- Cây xanh, thảm cỏ;
- Chống mối;
- Cầu qua kênh: 01 cây (tải trọng thiết kế 5,5 tấn).
- Trồng rừng thay thế: Diện tích 2,37 ha;
- Chuyển mục đích sử dụng rừng.
- Thiết bị: Lò hỏa táng, bồn nhiên liệu ga, xe ô tô chuyên dụng, thiết bị văn phòng, thiết bị xây dựng, hệ thống xử lý nước thải và các trang thiết bị khác;
- Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ DỰ ÁN

TT	Nội dung	Ký hiệu	Đơn vị	Cách tính/ Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd			31.856.007.000
1	HẠNG MỤC: SAN LẤP MẶT BẰNG			Dự toán	8.421.867.000
2	CÔNG - HÀNG RÀO			-nt-	1.080.000.000
3	HẠNG MỤC: NHÀ HỎA TÁNG / PHẦN XÂY DỰNG			-nt-	9.719.200.000
4	HẠNG MỤC: NHÀ TRẠM KỸ THUẬT			-nt-	509.467.000



5	HANG MỤC: SÀN, ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ; HỆ THỐNG MƯƠNG, CẤP THOÁT NƯỚC, BÈ NƯỚC + BÈ LỌC; GIẾNG KHOAN			-nt-	6,392,174,000
6	HANG MỤC: KHU ĐẤT BÓN GAS CÔNG NGHIỆP			-nt-	132,573,000
7	HANG MỤC: HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG NGOÀI NHÀ			-nt-	802,908,000
8	HANG MỤC: CÂY XANH, THAM CỎ			-nt-	209,094,000
9	CHỐNG MỐI			-nt-	251,724,000
10	CẦU QUA KÊNH				4,000,000,000
11	TRỒNG RỪNG THAY THẾ				237,000,000
12	CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG RỪNG				100,000,000
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ, DOANH CỤ	Gtb			20,228,750,000
1	Thiết bị lò hòa tan				
	Lò hòa tan				15,158,750,000
	Bồn nhiên liệu ga				1,020,000,000
	Xe chuyên dụng				1,100,000,000
2	Thiết bị văn phòng				800,000,000
3	Thiết bị xây dựng				
	Máy phát điện 75KVA				650,000,000
	Hệ thống xử lý nước thải				1,500,000,000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gglda	2.115%	$2.115\% \times (Gxd + Gtb) \times 0.8$	881,274,088
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	Gtv			3,191,628,405
1	Chi phí khảo sát địa hình, cắm mốc quy hoạch	TV1		Theo hợp đồng	76,549,000
2	Chi phí khảo sát địa chất	TV2		Theo hợp đồng	456,760,000
3	Chi phí Giám sát khảo sát xây dựng	TV3	4.072%	$4.072\% \times (TV1 + TV2)$	21,716,342
4	Chi phí rà phá bom mìn	TV4		Tam tính	250,000,000
5	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	TV5		Theo hợp đồng	220,255,000
6	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	TV6	0.271%	$0.271\% \times (Gxd + Gtb)$	141,149,691
7	Chi phí TKBVTC-DT	TV7	2.222%	$2.222\% \times Gxd$	707,840,476
8	Chi phí thẩm tra TKBVTC	TV8	0.160%	$0.16\% \times Gxd$	50,969,611
9	Chi phí thẩm tra Dự toán	TV9	0.155%	$0.155\% \times Gxd$	49,376,811
10	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT (xây dựng)	TV10	0.279%	$0.279\% \times Gxd$	88,878,260
11	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT (thiết bị)	TV11	0.267%	$0.267\% \times Gtb$	54,010,763
12	Chi phí giám sát thi công xây dựng	TV12	2.175%	$2.175\% \times$	692,868,152

				Gxd	
13	Chi phí giám sát thi công thiết bị	TV13	0.708%	$0.708\% \times$ Gtb	143,219,550
14	Chi phí thí nghiệm nền tính cọc	TV14		2 tìm - Dự toán	136,891,000
15	Chi phí thẩm định giá thiết bị	TV15	0.500%	$0.5\% \times$ Gtb	101,143,750
V	CHI PHÍ KHÁC	Gk			682,713,530
1	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	PK1	0.014%		10,450,000
2	Phí thẩm định TKBVTC	PK2	0.033%	$0.0329\% \times$ Gxd	10,480,626
3	Phí thẩm định dự toán	PK3	0.032%	$0.0318\% \times$ Gxd	10,130,210
4	Chi phí thẩm định HSMT gói xây lắp	PK4	0.050%	$0.05\% \times$ Gxd	15,928,004
5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói xây lắp	PK5	0.050%	$0.05\% \times$ Gxd	15,928,004
6	Chi phí thẩm định HSMT gói thiết bị	PK6	0.050%	$0.05\% \times$ Gtb	10,114,375
7	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thiết bị	PK7	0.050%	$0.05\% \times$ Gtb	10,114,375
8	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	PK8	0.258%	$0.258\% \times$ TMĐT \times 0,5	93,743,010
9	Chi phí kiểm toán	PK9	0.402%	$0.402\% \times$ TMĐT	292,129,380
10	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền	PK10	20.000%	$20\% \times$ Ggs/1,1	152,015,946
11	Chi phí bảo hiểm công trình	PK11			
	Phí bảo hiểm		0.150%	$0.15\% \times$ Gxd	47,784,011
	Phụ phí bảo hiểm (bảo lụt, động đất, lún sụt)		0.030%	$0.03\% \times$ Gxd	9,556,802
	Mức khấu trừ (theo giá trị tổn thất)		5.000%	$5\% \times$ (Gkbbh1+Gk hbh2)	2,867,041
12	Phí thẩm định PCCC	PK12	0.005%	$0.00462\% \times$ Gxd	1,471,748
VI	DỰ PHÒNG PHÍ	DPP			5,684,037,302
	Dự phòng phí cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh	Dpp1	5.000%	$5\% \times$ (I+II+III+IV+V)	2,842,018,651
	Dự phòng phí cho yếu tố trượt giá	Dpp2	5.000%	$5\% \times$ (I+II+III+IV+V)	2,842,018,651
VII	CHI PHÍ BỒI THƯƠNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	Ggmb			10,145,000,000
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	TDI			72,669,410,000

2.2.4. Giải pháp xây dựng cơ bản:

* San lấp mặt bằng: Mặt bằng san lấp bằng cát đen.

* **Công, hàng rào:** Công làm bằng thép hình; hàng rào xây gạch, móng trụ, đà bằng BTCT.

* **Nhà hỏa táng:**

- 01 tầng, cao 16,15m tính từ mặt sân hoàn thiện.

- Bố trí các phòng chức năng như sau: Phòng trực + y tế; phòng tiếp khách; Phòng khám liệm; phòng hành lễ; phòng hỏa táng; phòng điều khiển; phòng xử lý cốt; phòng trả cốt; khu vệ sinh; sảnh, hành lang.

- Móng, khung, kèo bằng BTCT; đáy móng gia cố bằng cọc BTCT; mái đổ BTCT và dán ngói vảy 65v/m².

- Tường bố nền, bê tông hoai, tam cấp xây gạch thẻ đất nung và không nung; tường bao che, ngăn, khu vệ sinh xây gạch ống đất nung và không nung;

- Bố trí hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước hoàn chỉnh.

* **Nhà trạm kỹ thuật:**

- 01 tầng, cao 5,1m tính từ mặt sân hoàn thiện.

- Tường bố nền, bê tông hoai, tam cấp xây gạch thẻ đất nung và không nung; tường bao che, ngăn, khu vệ sinh xây gạch ống đất nung và không nung;

- Mái lợp tôn sóng vuông mạ màu; xà gồ thép hộp mạ kẽm.

- Móng, khung bằng BTCT; đáy móng gia cố cọc cừ tràm.

* **Khu đặt bồn ga công nghiệp:**

- Bao quanh khu đặt bồn ga công nghiệp là hệ thống tường rào lưới thép B40 mạ kẽm.

- Bồn ga đặt trên nền BTCT.

* **Sân, đường giao thông nội bộ; hệ thống mương, cấp thoát nước, bể nước, bể lọc, giếng khoan:**

- Đường giao thông nội bộ: Tải trọng thiết kế 5,5 tấn; mặt sân đổ BTCT, lớp nilong chống mất nước bê tông, cấp phối đá dăm loại I, lớp cát san nền đầm chặt.

- Sân: Mặt sân lát gạch Terrazo 400x400mm, lớp vữa lót, cấp phối đá dăm loại I, lớp cát san nền đầm chặt.

- Mương bằng BTCT.

- Cấp thoát nước bằng ống nhựa.

- Bể nước, bể lọc bằng BTCT.

- Giếng khoan.

* **Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà:** Sử dụng đèn cao áp; cột bằng sắt tráng kẽm (khu vực nhà hỏa táng và đường dẫn).

* **Hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét:** Bố trí cho khối nhà chính, sử dụng kim thu sét bán kính bảo vệ 80m lắp trên đỉnh nhà hỏa táng.

* **Cây xanh, thảm cỏ:** Tạo bóng mát, tăng vẻ mỹ quan công trình...

* **Chống mối:** Chống mối Nhà hỏa táng.

- * Cầu qua kênh: Tải trọng thiết kế 5,5 tấn; cầu bằng bê tông cốt thép.
- * Trồng rừng thay thế.
- * Chuyên mục đích sử dụng rừng.
- * Thiết bị: Lò hòa táng, bồn nhiên liệu ga, xe ô tô chuyên dụng, thiết bị văn phòng, thiết bị xây dựng, hệ thống xử lý nước thải và các trang thiết bị khác.

2.3. Địa điểm và phạm vi đầu tư:

- Địa điểm: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- Phạm vi đầu tư: Căn cứ Công văn số 9133/UBND-XD ngày 06/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc lập thủ tục đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phân khai nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu (sự nghiệp bảo vệ môi trường) năm 2020; Công văn số 117/UBND-XD ngày 13/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phối hợp triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Công văn số 2783/SXD-QHĐT&HTKT ngày 07/9/2020 của Sở Xây dựng Cà Mau về việc cung cấp thông tin quy hoạch vị trí đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Công văn số 967/TB-STC ngày 07/12/2020 của Sở Tài chính tỉnh Cà Mau về việc kinh phí xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer Ban QLDA công trình xây dựng tỉnh Cà Mau.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cần đổi nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án:

3.1. Dự kiến tổng mức đầu tư (làm tròn): 72.669.410.000 đồng.

3.2. Nguồn vốn: Trung ương bổ sung có mục tiêu (sự nghiệp bảo vệ môi trường) năm 2020 và Ngân sách tỉnh.

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung có hiệu quả:

- Dự kiến thời gian thực hiện: năm 2019 - 2023.

- Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: Theo Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phân khai nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu (sự nghiệp bảo vệ môi trường) năm 2020; Công văn số 967/TB-STC ngày 07/12/2020 của Sở Tài chính tỉnh Cà Mau về việc kinh phí xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer Ban QLDA công trình xây dựng tỉnh Cà Mau; nguồn Ngân sách tỉnh sẽ bố trí khi có chủ trương đầu tư.

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

* Chi phí lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Nguồn vốn thực hiện: Vốn chuẩn bị đầu tư của dự án (Theo khoản 2, Điều 15, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14).

* Các chi phí khác có liên quan: Theo bảng tổng hợp kinh phí dự án.

* Chi phí vận hành dự án: Kinh phí hoạt động thường xuyên được giao cho đơn vị sử dụng.

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội:

6.1. Đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội:

6.1.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

Nguồn ô nhiễm từ bụi và khí thải: Quá trình phát quang cây cối, san lấp mặt bằng, các phương tiện vận chuyển các chất thải trong quá trình phát quang và dọn dẹp mặt bằng.

6.1.2. Giai đoạn thi công xây dựng của dự án:

Các nguồn gây tác động liên quan đến chất thải như bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển vật liệu và thiết bị thi công, nước thải sinh hoạt từ công nhân, nước mưa chảy tràn, chất thải xây dựng, chất thải sinh hoạt, tiếng ồn, độ rung do các phương tiện giao thông sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

6.1.3. Giai đoạn hoạt động của dự án:

- Nguồn gây ô nhiễm liên quan đến chất thải: Khí thải, nước thải từ lò hòa tảng, rác thải sinh hoạt, mùi hôi từ hệ thống cống thoát nước...

- Nguồn gây ô nhiễm không liên quan đến chất thải: không có.

6.2. Các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực:

6.2.1. Quá trình xây dựng:

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến.

- Tổ chức thi công phải có các giải pháp thích hợp để bảo vệ an toàn lao động và vệ sinh môi trường cụ thể:

+ Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập đồ án tổ chức thi công, bố trí máy móc thiết bị, bố trí các kho bãi nguyên vật liệu...

+ Lập tiến độ thi công hợp lý, trình độ thi công phải đảm bảo sự ổn định của các bộ phận công trình, bố trí mặt bằng thi công hợp lý.

+ Che chắn những khu vực phát sinh bụi và dùng xe tưới đường để chống bụi....

- Hạn chế thi công vào ban đêm nhằm tránh ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư xung quanh khu vực thực hiện.

- Che chắn bụi cho các công trình hiện hữu và khu vực dân cư.

- Quản lý nghiêm ngặt việc xả nước thải có chứa nhiều dầu mỡ, bùn cặn xuống sông và các kênh rạch lân cận. Nước thải và nước sinh hoạt phải qua xử lý mới thoát ra khu vực.

6.2.2. Trong quá trình đưa công trình vào vận hành:

- Trồng cây bóng mát trong khu vực để cải thiện môi trường.

- Khí thải, nước thải từ lò hòa táng, rác thải sinh hoạt,...phải được xử lý theo quy định đảm bảo tiêu chuẩn mới được thải ra môi trường và xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Việc kiểm tra bảo dưỡng và hút cặn bùn đối với các loại bể xử lý này phải được thực hiện theo đúng quy trình để đảm bảo không gây ô nhiễm nguồn nước.

- Chất sinh hoạt và các loại chất thải không nguy hại, sẽ được thu gom triệt để và đem đi xử lý đúng quy định.

6.3. Sơ bộ hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội:

- Đây là một dự án đầu tư xây dựng mang tính xã hội, phát triển hạ tầng xã hội phục vụ nhu cầu an sinh xã hội, giải quyết vấn đề chính sách dân tộc và môi trường.

- Nguồn vốn của dự án lấy từ ngân sách nhà nước. Vì vậy trong khuôn khổ hồ sơ này chỉ có thể nhận định khái quát như sau:

+ Về mặt tài chính: So sánh chi phí hòa táng gas với hình thức hòa táng củi hiện nay (bình quân 2 triệu đồng cho chi phí củi) đã tiết kiệm hơn.

+ Về kinh tế: Việc đầu tư bộ mặt nhà hòa táng cùng việc xử dụng công nghệ hiện đại giúp thu hút, khuyến khích người dân sử dụng hình thức hòa táng, tiết kiệm chi phí cho chôn cất. Ngoài ra, cũng mở ra hướng làm xã hội hóa kết hợp dịch vụ và bao cấp giúp giảm gánh nặng ngân sách công.

7. Phân chia các dự án thành phần (nếu có): Không.

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

- Sau khi có chủ trương đầu tư, chủ đầu tư nhanh chóng hoàn thành dự án đầu tư xây dựng trình cấp thẩm quyền phê duyệt để triển khai các bước tiếp theo sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng.

- Sở Xây dựng trình UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD Sở (10);
- Lưu: VT; P.QHĐT&HTKT, B10/06.



Mã Minh Tâm



Cơ quan: Sở Xây dựng, Tỉnh Cà Mau
 Email: soxaydung@camau.gov.vn
 Thời gian ký: 23.02.2021 09:06:27 +07:00

UBND TỈNH CÀ MAU
 SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 374 /TTt-SXD

Cà Mau, ngày 22 tháng 02 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hóa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường còn lại của ngân sách Trung ương năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng cơ sở hóa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 9133/UBND-XD ngày 06/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc lập thủ tục đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hóa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phân khai nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu (sự nghiệp bảo vệ môi trường) năm 2020;

Căn cứ Công văn số 117/UBND-XD ngày 13/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phối hợp triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hóa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 2783/SXD-QHĐT&HTKT ngày 07/9/2020 của Sở Xây dựng Cà Mau về việc cung cấp thông tin quy hoạch vị trí đầu tư xây dựng cơ sở hóa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;



Căn cứ Công văn số 967/TB-STC ngày 07/12/2020 của Sở Tài chính tỉnh Cà Mau về việc kinh phí xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer Ban QLDA công trình xây dựng tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 01/02/2021 giữa Sở Xây dựng và Ban QLDA công trình xây dựng tỉnh Cà Mau về việc xác định quy mô Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Sở Xây dựng trình UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA DỰ ÁN:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Dự án nhóm: Nhóm B.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (Theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý).

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Cà Mau.

5. Tên chủ đầu tư: Ban QLDA công trình Xây dựng tỉnh Cà Mau.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 72.669.410.000 đồng.

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Trung ương bổ sung có mục tiêu (sự nghiệp bảo vệ môi trường) năm 2020 và Ngân sách tỉnh.

9. Ngành, lĩnh vực chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Sự nghiệp bảo vệ môi trường trung ương.

10. Thời gian thực hiện: 2019 - 2023.

11. Hình thức đầu tư của dự án: Xây dựng mới.

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO:

Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường còn lại của ngân sách Trung ương năm 2020;

Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Công văn số 9133/UBND-XD ngày 06/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc lập thủ tục đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;



Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phân khai nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu (sự nghiệp bảo vệ môi trường) năm 2020;

Công văn số 117/UBND-XD ngày 13/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phối hợp triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Công văn số 2783/SXD-QHĐT&HTKT ngày 07/9/2020 của Sở Xây dựng Cà Mau về việc cung cấp thông tin quy hoạch vị trí đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Công văn số 967/TB-STC ngày 07/12/2020 của Sở Tài chính tỉnh Cà Mau về việc kinh phí xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer Ban QLDA công trình xây dựng tỉnh Cà Mau;

Biên bản làm việc ngày 01/02/2021 giữa Sở Xây dựng và Ban QLDA công trình xây dựng tỉnh Cà Mau về việc xác định quy mô Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Báo cáo số 373/BC-SXD ngày 22/02/2021 về việc đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Sở Xây dựng trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và kính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định.

(Đính kèm các công văn có liên quan và mặt bằng tổng thể dự án)

Nơi nhận:

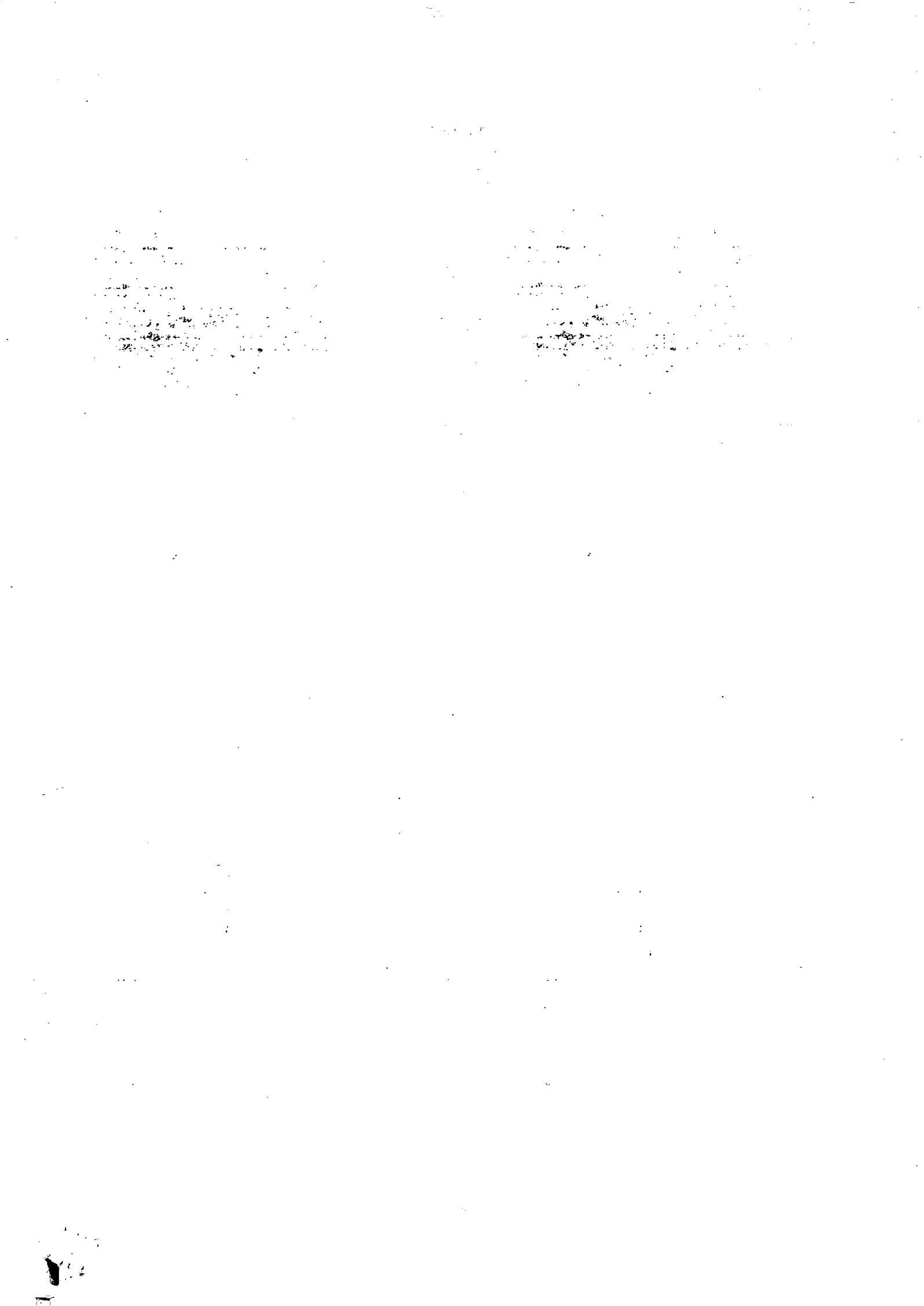
- Như trên;
- Ban QLDA CTXD tỉnh Cà Mau (biết);
- Ban.GD.Sở (iO);
- Lưu: VT, P.QHĐT&HTKT B03/06.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Mã Minh Tâm





TỈNH ỦY CÀ MAU
BCS ĐẢNG UBND TỈNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 51 -CV/BCSĐ

Cà Mau, ngày 19 tháng 4 năm 2021

V/v xin ý kiến về chủ trương Dự án xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer và quyết định đầu tư Dự án đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Thường trực Tỉnh ủy

Thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy về 02 dự án nhóm B, gồm: Chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau; quyết định đầu tư Dự án Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Cà Mau; cụ thể như sau:

1. Chủ trương đầu tư Dự án đầu tư cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau

a) Mục tiêu đầu tư

Khuyến khích áp dụng hình thức mai táng văn minh, phù hợp với truyền thống đồng bào dân tộc Khmer và các dân tộc, đảm bảo sức khỏe và môi trường sống cho người dân xung quanh.

b) Tóm tắt nội dung đầu tư

Xây dựng nhà hỏa táng, hệ thống xử lý chất thải và công trình hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước...), mua sắm trang thiết bị chuyên dụng; cây xanh, thảm cỏ, công hàng rào.

c) Tổng mức đầu tư: 72.669.410.000 đồng.

d) Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu (nguồn sự nghiệp môi trường) và ngân sách tỉnh.

đ) Địa điểm thực hiện dự án: Nghĩa trang tỉnh Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

e) Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2023.

* **Đề xuất:** Dự án đã hoàn thành khâu thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư và lấy ý kiến các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh; năm 2020 được Trung ương

bổ trí 40,863 tỷ đồng từ nguồn sự nghiệp môi trường. Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy có ý kiến chỉ đạo để làm cơ sở phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, triển khai các bước tiếp theo, sớm tổ chức thi công và thực hiện giải ngân nguồn vốn đầu tư đã được phân bổ.

*** Tài liệu kèm theo:**

- Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường còn lại của ngân sách Trung ương năm 2020;

- Báo cáo số 83/BC-SKHĐT ngày 16/3/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

2. Quyết định đầu tư Dự án Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Cà Mau

a) Mục tiêu đầu tư:

Tăng cường năng lực cho tuyến y tế cơ sở để hướng tới mục tiêu bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, góp phần bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn; cung ứng dịch vụ theo hướng phối hợp, lồng ghép chặt chẽ giữa dự phòng, điều trị tại các cơ sở y tế trên địa bàn và tuyến trên; giúp giảm quá tải cho các bệnh viện tuyến trên.

b) Nội dung quy mô đầu tư xây dựng:

*** Xây dựng mới 13 trạm, phòng khám:**

- Trạm Y tế xã Nguyễn Việt Khái;
- Trạm Y tế xã Rạch Chèo;
- Trạm Y tế xã Việt Thắng;
- Phòng khám ĐKKV Sông Đốc;
- Phòng Khám ĐKKV Nguyễn Huân;
- Trạm Y tế xã Tân Tiến;
- Trạm Y tế Quách Phẩm Bắc;
- Trạm Y tế xã Phú Hưng;
- Trạm Y tế xã Đất Mới;
- Trạm Y tế xã Nguyễn Phích;
- Trạm Y tế xã Hàm Rồng;
- Phòng khám ĐKKV Phú Tân;
- Trạm Y tế xã Tân Thuận.

*** Sửa chữa, nâng cấp các trạm, phòng khám:**

- Phòng khám ĐKKV Đất Mũi;
- Trạm Y tế xã Viên An;
- Trạm Y tế xã Tân Ân Tây;
- Trạm Y tế xã Biển Bạch;
- Trạm Y tế xã Biển Bạch Đông;
- Trạm Y tế xã Hòa Tân;
- Trạm Y tế xã Khánh Lâm;
- Trạm Y tế Khánh Bình Tây Bắc;
- Phòng Khám ĐKKV Tắc Vân;
- Trạm Y tế Khánh Tiến.

* Mua sắm trang thiết bị y tế.

c) Tổng mức đầu tư dự án: 103.168.224.000 đồng.

d) Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn vay ODA của Ngân hàng Phát triển Châu Á (86.023 triệu đồng):
Sử dụng cho đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị.

Vốn đối ứng địa phương: Chi phí chuẩn bị đầu tư xây dựng, quản lý, giám sát và đánh giá Chương trình.

đ) Thời gian thực hiện: Năm 2020 - 2025.

* **Đề xuất:** Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư, Bộ Y tế là cơ quan chủ quản dự án. Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy có ý kiến chỉ đạo để làm cơ sở phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (quyết định đầu tư).

* **Tài liệu kèm theo:**

- Quyết định số 1467/QĐ-TTg ngày 02/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn ODA của Ngân hàng Phát triển châu Á;

- Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 19/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vay vốn Ngân hàng Phát triển châu Á;

- Công văn số 5999/BYT-KHTC ngày 10/10/2019 của Bộ Y tế về việc chuẩn bị triển khai Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB;

- Công văn số 620/SXD-QLXD ngày 15/3/2021 của Sở Xây dựng về việc rà soát Dự án Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tại tỉnh Cà Mau.

Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo đối với 02 dự án nhóm B nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Văn phòng Tỉnh ủy (iO),
- Các Sở: KH&ĐT, XD, YT (iO),
- Ban Dân tộc tỉnh (iO),
- Ban QLDA công trình Xây dựng tỉnh,
- CVP, các PVP UBND tỉnh,
- Phòng: QH-XD (Ng 05/4), TH, NN-TN,
- Lưu: VT, Ktr526/4.

T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG
PHÓ BÍ THƯ



Lâm Văn Bi



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau
 Email: ubndt@camau.gov.vn
 Cơ quan: Tỉnh Cà Mau
 Ngày ký: 13.01.2021 12:54:53 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
 TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 117 /UBND-XD

Cà Mau, ngày 13 tháng 01 năm 2021

V/v phối hợp triển khai thực hiện
 Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa
 táng cho đồng bào dân tộc Khmer
 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Kính gửi:

- Sở Xây dựng;
- Ban QLDA công trình xây dựng tỉnh.

Sau khi xem xét Báo cáo số 260/BC-BCTXD ngày 09/11/2020 của Ban Quản lý dự án công trình xây dựng tỉnh về việc tình hình triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau; ý kiến đề xuất của Sở Xây dựng tại Công văn số 4564/SXD-QLXD ngày 24/12/2020 (kèm theo các Công văn số: 4145/STC-ĐTDN ngày 14/12/2020 của Sở Tài chính; 3258/SKHĐT-TH ngày 14/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; 3170/STNMT-QLĐĐ ngày 10/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường; 5062/UBND-KT ngày 14/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện U Minh; 659/BDT ngày 08/12/2020 của Ban Dân tộc), **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:**

Đồng ý chủ trương giao Sở Xây dựng lập Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định của Luật Đầu tư công, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt, làm cơ sở thực hiện các bước công việc tiếp theo. Trong quá trình thực hiện, đề nghị Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án công trình xây dựng tỉnh (Chủ đầu tư) và các cơ quan, đơn vị liên quan lưu ý các ý kiến đề xuất của các sở, ngành tại các văn bản nêu trên.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên (gửi kèm các vblq trên iO);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, TN&MT (iO);
- Ban Dân tộc (iO);
- UBND huyện U Minh (iO);
- CVP, PVP UBND tỉnh (Tỉnh);
- Phòng: QH-XD (20/01), KGVX, NN-TN;
- Lưu: VT, Ktr30/01.

**KT. CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi



Ký bởi: Sở Kế hoạch và
Đầu tư
Email:
sokehach@camau.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Cà Mau
Ngày ký: 17-03-2021
08:52:33 +07:00

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Số: 83 /BC-SKHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cà Mau, ngày 16 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Tờ trình số 374/TTr-SXD ngày 22/02/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau về việc thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến của các cơ quan có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Tờ trình số 374/TTr-SXD ngày 22/02/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau về việc thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư số 373/BC-SXD ngày 22/02/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau về việc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
3. Căn cứ Công văn số 627/SXD-QHĐT&HTKT ngày 16/3/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau về việc đính chính tổng mức đầu tư dự kiến tại Báo cáo số 373/BC-SXD ngày 22/02/2021 của Sở Xây dựng.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH

1. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
2. Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
3. Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 11 về việc giao quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý;
4. Công văn số 2683/UBND-XD ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thẩm quyền thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

5. Công văn số 117/UBND-XD ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phối hợp triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
2. Đơn vị phối hợp thẩm định: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Dân tộc, UBND huyện U Minh.
3. Hình thức thẩm định: Lấy ý kiến bằng văn bản.

Phần thứ hai Ý KIẾN THẨM ĐỊNH

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Mục tiêu, quy mô đầu tư:

2.1. Mục tiêu đầu tư: Việc đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau nhằm đảm bảo khuyến khích hình thức mai táng văn minh, phù hợp với truyền thống đồng bào dân tộc Khmer cũng như các dân tộc khác, đảm bảo sức khỏe và môi trường sống cho người dân xung quanh, xây dựng cơ chế thí điểm phục vụ việc mở rộng trên quy mô toàn tỉnh.

2.2. Quy mô đầu tư:

- San lấp mặt bằng.
- Cổng, hàng rào.
- Nhà hỏa táng.
- Nhà trạm kỹ thuật.
- Khu đặt bồn ga công nghiệp.
- Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà.
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét.
- Sân, đường giao thông nội bộ; hệ thống mương, cấp thoát nước, bể nước + bể lọc; 01 giếng khoan.
- Cây xanh, thảm cỏ
- Chống mối.
- Cầu qua kênh.
- Trồng rừng thay thế.

- Chuyển mục đích sử dụng rừng.
 - Thiết bị: Lò hỏa táng, bồn nhiên liệu ga, xe ô tô chuyên dụng, thiết bị văn phòng, thiết bị xây dựng, hệ thống xử lý nước thải và các trang thiết bị khác.
 - Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.
3. Dự án nhóm: Nhóm B.
 4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.
 5. Cấp quyết định đầu tư dự án: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.
 6. Tên chủ đầu tư: Đề xuất Ban Quản lý dự án công trình xây dựng làm chủ đầu tư.
 7. Địa điểm thực hiện: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
 8. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 72.669.410.000 đồng.
 9. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Trung ương bổ sung có mục tiêu và Ngân sách tỉnh.
 10. Ngành, lĩnh vực sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
 11. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2023.
 12. Hình thức đầu tư của dự án: Xây dựng mới.

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

1. Sở Tài chính tại Công văn số 572/STC-ĐTDN ngày 04/3/2021: Cần rà soát một số vấn đề:

- Về quy mô: Theo thông tin quy hoạch tổng diện tích khu đất 23.700m² (2,37ha). Sau khi trừ diện tích đất xây dựng cơ sở hỏa táng và hạ tầng kỹ thuật đề nghị xem lại diện tích trồng rừng thay thế với dự kiến 2,37ha.

- Về nguồn vốn: Chi tiết nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và ngân sách tỉnh.

- Các chi phí trong tổng mức đầu tư: Xem lại tổng mức đầu tư tại trang 2, 6, 8 Báo cáo số 373/BC-SXD ngày 22/02/2021 của Sở Xây dựng; bổ sung diện tích san lấp để làm cơ sở xác định giá trị trong tổng mức đầu tư; về mức phí thẩm định giá phân thiết bị cần lưu ý do qua rà soát mức phí dự kiến khoảng 54 triệu đồng (tạm tính theo mức phí thẩm định giá Công ty Cổ phần thẩm định giá Đông Á); chi phí kiểm tra nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước giá trị 152 triệu đồng là chưa phù hợp theo quy định hiện hành.

- Đối với đầu tư hạng mục hệ thống phòng cháy và chữa cháy và thẩm định PCCC: Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy, đề nghị đơn vị căn cứ quy định nêu trên thực hiện đúng theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 471/STNMT-BVMT ngày 09/3/2021:

- Về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Theo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện U Minh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 thì vị trí đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh là đất rừng sản xuất. Vì vậy, khi thực hiện dự án, đề nghị chủ đầu tư liên hệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn việc chuyển đổi mục đích từ đất rừng sản xuất sang đất nghĩa trang nghĩa địa. Qua rà soát, dự án nêu trên đã đăng ký vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện U Minh được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 10/TTr-STNMT ngày 12/01/2021.

- Về thủ tục môi trường: Căn cứ quy định tại số thứ tự số 11 Cột 3 Phụ lục II Mục I của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 173/SKH-CN-QLCN ngày 16/3/2021:

- Về công nghệ hệ thống xử lý nước thải

Dự án sử dụng công nghệ xử lý nước thải kết hợp màng lọc MBR. Công nghệ của dự án có các ưu điểm như: Có khả năng tự động hóa cao, tiết kiệm tối đa diện tích và chi phí xây dựng do không phải xây dựng bể lắng bùn sinh học và bể khử trùng, tiết kiệm năng lượng, đảm bảo nước thải đầu ra đạt cột B QCVN 28:2010/BTNMT. Nhìn chung, công nghệ xử lý nước thải này phù hợp và chấp nhận được.

- Về công nghệ lò hỏa táng:

+ Đánh giá: Công nghệ lò hỏa táng sử dụng trong dự án là công nghệ lò hỏa táng 02 cửa Crawford Deluxe C1000S của hãng Crawford có xuất xứ từ Mỹ. Lò hỏa táng sử dụng nhiên liệu khí gas hóa lỏng LPG, gồm 02 buồng đốt, có hệ thống xử lý khí thải đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02:2012/BTNMT hiện hành trước khi thải ra môi trường. Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ, công nghệ lò hỏa táng Crawford Deluxe C1000S của hãng Crawford không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, công nghệ cấm chuyển giao.

+ Xem xét về sự phù hợp của công nghệ được lựa chọn: Công nghệ, thiết bị lò hỏa táng Crawford Deluxe C1000S có các thông số kỹ thuật như: Nhiệt độ buồng đốt, nhiệt độ vỏ lò, thời gian lưu cháy, tiêu chuẩn khí thải ra môi trường, chiều cao ống khói,... đáp ứng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế QCVN 02:2012/BTNMT (hiện nay đang được áp dụng đối với lò hỏa táng).

Thiết bị lò hỏa táng được sản xuất đồng bộ từ hãng Crawford của Mỹ, có công suất đốt lớn, thời gian hỏa táng nhanh. Nhà sản xuất Crawford đã ủy quyền cho một doanh nghiệp trong nước là Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại Ngân Hà làm đại diện tại Việt Nam. Do vậy, công nghệ lò hỏa táng Crawford Deluxe C1000S cơ bản phù hợp với mục tiêu, quy mô của dự án đã đề ra.

+ Việc chứng minh công nghệ đã được kiểm chứng: Hồ sơ dự án đã cung cấp được các tài liệu chứng minh công nghệ lò hỏa táng Crawford Deluxe C1000S đã được sử dụng tại nhiều địa phương trong nước như: Trung tâm hỏa táng Vạn Phước Viên Tiền Giang; Trung tâm hỏa táng Nghĩa trang Du Sinh, thành phố Đà Lạt; Trung tâm hỏa táng Đa Phước, thành phố Hồ Chí Minh; Nghĩa trang phía Bắc thành phố Nha Trang tỉnh Khánh Hòa... Các kết quả kiểm định các mẫu khí thải tại các cơ sở sử dụng lò hỏa táng Crawford đều nằm trong giá trị cho phép thải ra môi trường theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02:2012/BTNMT. Nhìn chung, công nghệ lò hỏa táng này là phù hợp.

4. Ban Dân tộc tại Công văn số 103/BD ngày 05/3/2021: Thống nhất nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

5. Ủy ban nhân dân huyện U Minh tại Công văn số 860/UBND-XD ngày 09/3/2021: Thống nhất nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

1. Sự cần thiết đầu tư dự án:

Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau được UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại công văn số 117/UBND-XD ngày 13/01/2021. Việc xây dựng cơ sở hỏa táng khang trang, hiện đại, thân thiện với môi trường đang là nhu cầu cấp thiết của đồng bào Khmer, không chỉ giúp những gia đình Khmer có người thân mất mai táng mau lẹ, thuận tiện mà còn giúp những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, không có đất để thổ táng, giúp gia đình có người mất vừa được an táng theo nghi lễ truyền thống, đảm bảo văn minh và phù hợp với đời sống hiện đại là rất cần thiết.

2. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định:

Thành phần, nội dung hồ sơ trình thẩm định cơ bản đáp ứng theo yêu cầu tại Điều 9 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ; Điều 31 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

3. Sự phù hợp với mục tiêu chiến lược; kế hoạch và quy hoạch:

- Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Phù hợp với chủ trương của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau tại Công văn số 117/UBND-XD ngày 13/01/2021;

- Phù hợp với thông tin quy hoạch vị trí đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh tại Công văn số 2783/SXD-QHĐT&HTKT ngày 07/9/2020 của Sở Xây dựng.

4. Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án: Chủ đầu tư đã phân loại dự án nhóm B là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Phụ lục I kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

5. Các nội dung cụ thể trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án:

Các nội dung trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án cơ bản đáp ứng quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư công; một số nội dung cụ thể như sau:

5.1. Mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, địa điểm, phạm vi đầu tư:

a) Mục tiêu đầu tư: Việc đầu tư xây dựng cơ sở hòa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau nhằm đảm bảo khuyến khích hình thức mai táng văn minh, phù hợp với truyền thống đồng bào dân tộc Khmer cũng như các dân tộc khác, đảm bảo sức khỏe và môi trường sống cho người dân xung quanh, xây dựng cơ chế thí điểm phục vụ việc mở rộng trên quy mô toàn tỉnh.

b) Quy mô: Quy mô và chi phí đầu tư dự án trong bước lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chỉ là sơ bộ; do đó, trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, đề nghị Chủ đầu tư, cơ quan thẩm định công trình, các đơn vị có liên quan rà soát, xác định quy mô, diện tích đầu tư từng hạng mục công trình, chi phí đầu tư công trình đảm bảo phù hợp theo quy định hiện hành, đảm bảo hiệu quả đầu tư dự án.

c) Hình thức đầu tư: Xây dựng mới.

d) Địa điểm, phạm vi đầu tư: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

5.2. Diện tích đất sử dụng: 23.700m².

5.3. Thời gian, tiến độ thực hiện: Sở Xây dựng đề nghị thời gian thực hiện năm 2019 - 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất thời gian thực hiện dự án năm 2021 - 2023 để phù hợp với thời gian triển khai dự án.

5.4. Phương án lựa chọn công nghệ chính: Theo ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 173/SKH-CN-QLCN ngày 16/3/2021.

5.5. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường: Nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường đã được chủ đầu tư nêu tại Báo cáo đề xuất chủ trương; tuy nhiên, trong quá trình triển khai đề nghị chủ đầu tư rà soát, thực hiện đầy đủ các yêu cầu, quy định về bảo vệ môi trường theo đúng quy định hiện hành và ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 471/STNMT-BVMT ngày 09/3/2021.

6. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: Sở Xây dựng đề xuất nguồn vốn thực hiện dự án từ nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và Ngân sách tỉnh là phù hợp.

7. Hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường phát triển bền vững:

Sau khi dự án hoàn thành sẽ góp phần giải quyết vấn đề chính sách dân tộc và môi trường. Việc đầu tư cơ sở hòa táng cùng việc xử dụng công nghệ hiện đại giúp thu hút, khuyến khích người dân sử dụng hình thức hòa táng, tiết kiệm chi phí

cho chôn cất. Ngoài ra, cũng mở ra hướng làm xã hội hóa kết hợp dịch vụ và bao cấp giúp giảm gánh nặng ngân sách công.

IV. KẾT LUẬN

Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau đủ điều kiện đề cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

Trong quá trình triển khai thực hiện cần lưu ý ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 572/STC-ĐTDN ngày 04/3/2021 và Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 471/STNMT-BVMT ngày 09/3/2021.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư về chủ trương đầu tư, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau. /

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng (iO);
- Sở Tài chính (iO);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (iO)
- Sở Khoa học và Công nghệ (iO);
- Ban Dân tộc (iO);
- UBND huyện U Minh (iO);
- Ban Giám đốc (VIC);
- Lưu: VT, TH, ĐTGS (VA).



Trần Công Khanh